

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN  
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An, tháng 11 năm 2018**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**

---

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN**  
**NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**


















**Nghệ An, tháng 11 năm 2018**

## DANH SÁCH

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh**

*(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	PTK PT khoa SP Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch	
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí	
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc PT TT ĐBCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên	
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc TT TT-TV NTH	Thành viên	
14	Bà Phan Thị Hương	PTK khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	
15	Ông Hoàng Tăng Đức	TBM, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	
16	Ông Nguyễn Hữu Quyết	TBM, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	
17	Ông Nguyễn Văn Hường	SV K56, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên	

*Danh sách này gồm có 17 người*

## MỤC LỤC

	Trang
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....	1
1.1. Đặt vấn đề .....	1
1.2. Tổng quan chung .....	3
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b> .....	14
Tiêu chuẩn 1 MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	14
Tiêu chuẩn 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	22
Tiêu chuẩn 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....	28
Tiêu chuẩn 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC .....	36
Tiêu chuẩn 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC .....	45
Tiêu chuẩn 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN .....	55
Tiêu chuẩn 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN .....	71
Tiêu chuẩn 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC .....	80
Tiêu chuẩn 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ .....	91
Tiêu chuẩn 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG .....	102
Tiêu chuẩn 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA .....	113
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b> .....	125
Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT .....	132
Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá .....	155

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Đọc thành</b>
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành (Conceive - Design - Implement - Operate)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐU	Đảng ủy
DV, HTSV & QHDN	Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường
HĐT	Hội đồng trường
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
P. CTCT-HSSV	Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên
P. KH&HTQT	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
P. KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P. TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
PGS	Phó giáo sư
PTN	Phòng thí nghiệm
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông
TTTV	Thông tin Thư viện

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Trường Đại học Vinh trong suốt chặng đường gần 60 năm xây dựng và phát triển. Để có một bức tranh cụ thể về một Trường Đại học Vinh đa ngành phát triển toàn diện, đạt chuẩn chất lượng kiểm định trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo và trước xã hội, Trường Đại học Vinh tiến hành thực hiện chu trình đánh giá CTĐT một số ngành đào tạo trong đó có CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo cũng như xây dựng văn hóa chất lượng tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ về CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh. Trong quá trình triển khai công việc này, Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh căn cứ vào các tiêu chuẩn và các mốc chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh để phát huy những điểm mạnh cũng như nhìn nhận lại những mặt tồn tại của CTĐT giai đoạn 2013 - 2017 ; trên cơ sở đó Khoa và Trường có những phương hướng, hành động cụ thể nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục trong những năm tiếp theo.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh bao gồm 17 thành viên và Ban thư ký giúp việc Hội đồng gồm 25 thành viên. Trong đó, Ông Đinh Xuân Khoa, Hiệu Trưởng của Trường là Chủ tịch hội đồng; ông Ngô Đình Phương, Phó Hiệu trưởng là Phó chủ tịch hội đồng; ông Phạm Lê Cường, Phó Giám đốc TT ĐBCL là Trưởng ban thư ký. Các thành viên còn lại trong Hội đồng và Ban thư ký đến từ tất cả các phòng ban liên quan (TCCB, CTCT-HSSV, QT&ĐT, KH&HTQT, KH-TC) và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ.

Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo là nhằm đảm bảo chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, khoa SP Ngoại ngữ - Trường Đại học Vinh.

- Nâng cao chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm tự đánh giá.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

- Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội.

Công cụ đánh giá là 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017. Mỗi tiêu chí được tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau: Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục; Lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

Quy trình đánh giá được tiến hành từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 10 năm 2018. Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau: Thành lập Hội đồng tự đánh giá; Lập kế hoạch tự đánh giá; Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được; Viết báo cáo tự đánh giá; Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá; Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2013 đến năm 2017, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Với mỗi một tiêu chuẩn, các tiêu chí được phân tích thành các yêu cầu và các câu hỏi đặt ra cho các yêu cầu, sau đó các thông tin, minh chứng được thu thập từ các phòng ban, Khoa, Viện, và các đối tượng liên quan.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.

**Hx.ab.cd. ef**

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

Bản ‘*Báo cáo tự đánh giá Chương trình Đào tạo cử nhân - ngành Ngôn ngữ Anh*’ là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh - Khoa Sư phạm Ngoại ngữ theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Bản báo bao gồm bốn phần chính: Khái quát, Đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, Kết luận và Phụ lục. Phần đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí là phần trọng tâm của báo cáo trong đó các tiêu chuẩn, tiêu chí được trình bày lần lượt theo thứ tự: Mở đầu, Mô tả, Điểm mạnh, Điểm yếu, Kế hoạch hành động, Đánh giá các tiêu chí và Kết luận mỗi tiêu chuẩn. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về các tiêu chuẩn. Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại, thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức qui định. Những điểm nổi bật, những tồn tại cơ bản ở mỗi một tiêu chuẩn được trình bày tóm tắt ở phần Kết luận. Tuy còn một số hạn chế về CTĐT nhưng theo đánh giá, các tiêu chuẩn đều đạt mức từ 5/7 đến 6/7.

## **1.2. Tổng quan chung**

Trường Đại học Vinh tiền thân là trường Trường Đại học Sư phạm Vinh, là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD-ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng. Sứ mạng ban đầu của nhà trường được xác định tại Đại hội Đảng bộ trường khóa XXVIII nhiệm kỳ 2000 - 2005 là: "... *đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ*". Cụ thể hơn, Trường có nhiệm vụ đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh trung học phổ thông (THPT) chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước.

Và sứ mạng đó đã được điều chỉnh sau khi Trường được bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm vào năm 2011 "... *là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa*



*cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước”.*

Tuy nhiên, trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: “... xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh là được công nhận trường đại học trọng điểm quốc gia, và là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á. Tầm nhìn này sẽ giúp nhà Trường vạch ra cho mình hướng đi đúng và nâng cao vị thế của Nhà trường trong nước cũng như vươn tầm Quốc tế. Vào năm 2011, Trường Đại học Vinh đã được công nhận là trường đạt chuẩn Quốc gia; đầu năm 2018, Trường đã vinh dự được trở thành thành viên của Mạng lưới các trường Đông Nam Á. Những thành quả đạt được đó chính là nhờ vào những chiến lược đúng đắn và những mục tiêu rõ ràng của nhà Trường. Những mục tiêu đó được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Sau khi được đổi tên thành Trường Đại học Vinh, Trường đã điều chỉnh mục tiêu của mình, từ chỗ chỉ đào tạo giáo viên THPT trình độ đại học và trên đại học, nay chuyển sang đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trình độ đại học và trên đại học. Trong đề án "*Qui hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh (đến năm 2010)*" đã ghi rõ mục tiêu là: "*Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung bộ nhằm: đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học có trình độ trên đại học, đại học và dưới đại học (khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kinh tế, nông - lâm - ngư...); nghiên cứu, triển khai chuyển giao khoa học - công nghệ gắn với đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực.*"

Mục tiêu này đã được thay đổi để phù hợp với sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia, như sau: "*Xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu, có đủ cơ sở vật chất - thiết bị đảm bảo qui mô đào tạo năm 2020 là 35.000 sinh viên, học viên. Phát triển một số hướng NCKH mũi nhọn mang đặc thù vùng, miền và một số ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng các nguồn thu hợp pháp để chủ động về tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động của trường đại học trọng điểm quốc gia*". Mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và gắn với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức: ở hội nghị cán bộ công chức - viên chức của các Khoa/Trường; hội nghị cán bộ trẻ, "Tuần công dân - học sinh, sinh viên", đại hội Đảng và các đoàn thể; trên mạng lưới website của các khoa và Trường; sổ tay cán bộ và csinh viên. Các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hàng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học.

Trong năm học 2016-2017, ngay sau khi tuyên bố sứ mạng của Trường theo định hướng của Nghị quyết 29/NQ-TW, Trường đã chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu trong giai đoạn mới là: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á”*.

Để những mục tiêu đã đề ra đạt được hiệu quả cao, nhà trường đã có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao và đảm bảo chất lượng về mặt giáo dục cũng như các hoạt động khác trong nhà trường.

Trước hết, nhà trường ban hành có hệ thống các văn bản về tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Những văn bản này đều được công bố minh bạch trên phần mềm văn phòng điện tử eOffice, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường. Trong đó qui định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cũng như qui chế hoạt động, tổ chức hoạt động của khoa đào tạo. Các qui định, qui chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, các qui định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan. Những văn bản có tính pháp lý này đã và đang phát huy hiệu quả việc quản lý các hoạt động chung của nhà trường, tạo nên một khối thống nhất, sự phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị trong quá trình triển khai các hoạt động. Từ đó nâng cao chất lượng toàn diện trong toàn trường.

Ngoài các văn bản qui định chung về chức năng, nhiệm vụ của khoa, phòng ban, Trường còn ban hành các văn bản để phân định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Sự phân công này được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi. Việc phân công, phân cấp quyền hạn và trách nhiệm cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường luôn được nhấn mạnh về vai trò dẫn đầu trong việc duy trì cũng như phát huy hiệu quả làm việc của toàn trường. Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng uỷ, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên, hội viên tham gia. Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho các cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi đảm bảo công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên, học sinh, sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kỹ năng sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào như: Xây dựng nếp sống văn hóa, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, bảo vệ của công, phong trào “5 xây, 5 chống” và các phong trào của Hội: “*Sinh viên 5 tốt*”, “*Sinh viên xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh*” đã được Đoàn trường và Hội sinh viên triển khai sâu rộng trong đoàn viên, thanh niên.

Bên cạnh chú trọng đảm bảo hiệu quả vận hành về mặt tổ chức, nhà Trường luôn coi chất lượng giáo dục đại học là chìa khoá thành công trong việc phát huy sứ mệnh đào tạo của mình. Bởi vậy, từ năm 2003, Trường đã có bộ phận chuyên trách về ĐBCL trực thuộc phòng Kiểm định chất lượng và Thanh tra giáo dục. Năm 2007, Trường thành lập Trung tâm ĐBCL có bộ phận chuyên trách riêng. Vai trò của Trung tâm ĐBCL và phòng Thanh tra giáo dục là kiểm tra, giám sát thường xuyên thời gian giảng dạy, chất lượng giảng dạy, tính bảo mật của việc ra đề thi, chất lượng bài thi, tính nghiêm túc của các kì thi...

Bên cạnh đó, Nhà trường có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 đã giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu

của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2020 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện như hoàn thành kiểm định chất lượng trường đại học trước tháng 3 năm 2017, đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia, đăng kí trở thành thành viên của mạng lưới ĐBCL của các trường đại học Đông Nam Á trước năm 2020.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn cũng được Nhà trường xúc tiến hàng năm. Nhà trường đã đề ra được các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường bao gồm: Xây dựng, ban hành các qui chế, qui định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hàng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Phòng Thanh tra giáo dục, Ban Thanh tra nhân dân... BGH trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường.

Đơn vị thực hiện CTĐT chuyên ngành Ngôn ngữ Anh là Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Đồng hành với trường ĐH Vinh từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của khoa Sư phạm Ngoại ngữ trải dài 55 năm lịch sử. Từ năm 1959 khi phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập, tiếng Nga là ngoại ngữ đầu tiên được giảng dạy cho sinh viên. Sau đó các ngoại ngữ Anh, Pháp và Trung Quốc được đưa vào chương trình đào tạo ở các ngành khác nhau. Vào thời kỳ đất nước mở cửa nền kinh tế, nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng gia tăng, bộ môn ngoại ngữ đã phát triển thành khoa đào tạo. Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ giảng dạy bốn thứ tiếng phổ biến: Anh, Pháp, Nga, và Trung Quốc.

Để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sư phạm Vinh đã phát triển thành Trường Đại học đa ngành vào năm 2001 với thế mạnh đào tạo các ngành sư phạm. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Khoa Ngoại Ngữ là một trong

ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 01 nhà giáo ưu tú, 02 phó giáo sư và 08 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh nước ngoài, 12 giảng viên chính, và 36 thạc sĩ. Khoa hiện có 03 mã ngành đào tạo bậc đại học: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh và 01 ngành thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Hình thức đào tạo của khoa bao gồm: Chính quy, Vừa làm vừa học và Liên kết quốc tế theo mô hình du học bán phần (02 năm đầu tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và 02 năm cuối ở một trường nước ngoài và ngược lại). Ngoài ra, Khoa còn phụ trách chương trình tiếng Việt cho người nước ngoài và chương trình tập huấn bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh.

Đến thời điểm hiện tại, Khoa đã đào tạo được 5.109 sinh viên, trong đó: 129 học viên cao học, 2.099 sinh viên chính quy, 2.382 học viên vừa làm vừa học, 463 sinh viên liên kết đào tạo du học bán phần tại các trường đại học Trung Quốc, 36 sinh viên Thái Lan. Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi ra trường gần 100% ở các lĩnh vực của đời sống xã hội. Số sinh viên đang học tập tại Khoa hiện nay có 1.042 người: 779 sinh viên chính quy, 47 sinh viên Thái Lan, 37 học viên cao học, 184 học viên học văn bằng 2. Sinh viên tốt nghiệp từ khoa Sư phạm Ngoại ngữ có thể thành đạt ở nhiều ngành nghề khác nhau như biên phiên dịch, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, truyền hình, giảng dạy, kinh doanh, v.v.

Theo quy chế đào tạo hiện nay ((Điều 17, Quy chế 43 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ- Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có thể học song song văn bằng 2 các ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch, Công tác xã hội, v.v. Với bằng cử nhân tiếng Anh và một chuyên ngành chính quy văn bằng 2 sau khi tốt nghiệp, sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có lợi thế rất lớn về cơ hội việc làm. Từ năm 2015, ASEAN trở thành một khối Kinh tế tự do, trong đó công dân các nước trong khu vực Đông Nam Á được tự do di chuyển và tìm việc làm trong Khối mà ngôn ngữ chung là tiếng Anh. Cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Anh rộng mở ra ngoài biên giới Việt Nam. Trên thực tế, một số sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh đã và đang làm việc cho các công ty, các cơ sở ở các nước bạn như Lào, Thái Lan, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Nghiệp vụ Sư phạm, Rèn nghề và các phong trào Văn hóa - Văn nghệ và Tình nguyện. Các sự kiện được tổ chức thường xuyên của khoa bao gồm: hội thi Phiên dịch giỏi, nghiệp vụ sư phạm, Hội thi du lịch, lễ hội Halloween, chương trình *FLD's got talent*, Không gian Anh ngữ (*English speaking zone*). Đây là những sân chơi bổ ích cho sinh viên để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp sinh viên có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu sinh viên, giảng viên của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các sinh viên có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Liên chi đoàn và Liên chi hội sinh viên thành lập "*Quỹ tình bạn*" để trao những suất quà hàng năm cho sinh viên vượt khó học giỏi. Quỹ thực sự đã góp phần giúp nhiều sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong điều kiện gia đình gặp khó khăn và là động lực cho sinh viên phấn đấu.

Sứ mạng chính của Khoa là Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành tiếng Anh, thạc sỹ ngành tiếng Anh; nâng cao năng lực ngoại ngữ cho các đối tượng có nhu cầu; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên, và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ. Cụ thể, Khoa chịu trách nhiệmn đào tạo cử nhân chính quy ngành Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Anh; đào tạo cử nhân hệ vừa làm vừa học và văn bằng 2 ngành Ngôn ngữ Anh; đào tạo thạc sỹ ngành Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh; đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh liên kết Quốc tế; giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ trong toàn Trường nhằm đảm bảo đầu ra năng lực ngoại ngữ bậc 3 (theo khung tham chiếu Châu Âu) trước khi tốt nghiệp; dạy tiếng Việt cho lưu học sinh quốc tế; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tiếng Anh và tiếng Pháp ở trường phổ thông; nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ nhằm phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện về dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân và hội nhập quốc tế; hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước về đào tạo, trao đổi học thuật, giao lưu văn hoá, góp phần nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tư vấn cho Hiệu trưởng về xây dựng chiến lược phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Ngoài ra, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ vinh dự là một trong 10 đơn vị nòng cốt của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 có nhiệm vụ nâng cao năng lực tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam cho các đối tượng có nhu cầu học và thi lấy chứng chỉ ngoại ngữ.

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã và đang thực hiện những chính sách và hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo chất lượng toàn diện. Chính sách đầu tiên liên quan tới công tác chính trị, tư tưởng, truyền thông và cải cách hành chính. Được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy trường Đại học Vinh, Chi bộ Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, cán bộ viên chức, sinh viên và học viên của đơn vị luôn quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của ngành Giáo dục và Đào tạo; phát huy quyền làm chủ của cán bộ viên chức, học viên và sinh viên, gắn liền với sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng. Toàn thể cán bộ khoa đoàn kết, đồng lòng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như Nhà trường, góp phần xây dựng Trường và Khoa ngày càng vững mạnh.

Thứ hai, công tác học viên, sinh viên; công tác đoàn thể cũng được chú trọng. Khoa đã chỉ đạo liên chi đoàn và liên chi hội sinh viên tổ chức nhiều hoạt động bổ ích, thiết thực. Tổ chức tốt tuần sinh hoạt công dân - học viên, sinh viên đầu khoá, đầu các năm học. Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của ngành Giáo dục và Đào tạo cho học viên, sinh viên, học viên thông qua các buổi sinh hoạt cán bộ lớp, cán bộ đoàn và các hoạt động chung của khoa. Hội nghị dân chủ sinh viên cấp khoa được tổ chức hằng năm để sinh viên được đối thoại dân chủ với Ban chủ nhiệm và các trưởng bộ môn, trợ lý... về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện, sinh hoạt, quyền và nghĩa vụ của sinh viên, học viên. Khoa nắm bắt thông tin và giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của sinh viên và học viên, không có hiện tượng khiếu nại vượt cấp.

Thứ ba, công tác tổ chức và xây dựng đội ngũ được coi là nòng cốt để tạo nền móng bền vững cho chất lượng đào tạo. Đội ngũ giảng viên được đào tạo sau đại học ở các nước phát triển ngày càng nhiều như Canada, Niu Zi Lân, Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ, Úc, Nga,... Hầu hết cán bộ giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa có mối quan hệ tốt với Hội huynh đệ



Á - Âu, Côtes D'Armor - Việt nam, Hội ABCDE - Cộng hoà Pháp, tổ chức Giáo dục Đại học Canada (WUSC), Viện Anh ngữ Hoa Kỳ (ELI), Phòng Thông tin - Văn hoá Đại sứ quán Hoa Kỳ, Chương trình Fulbright Việt Nam, Trường Đại học Rajabhat Maha Sarakham và Trường Đại học Udon Thani Vương Quốc Thái Lan, v.v.

Thứ tư, công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng và thanh tra giáo dục cũng là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng giáo dục. Chương trình đào tạo của Khoa thường xuyên được cập nhật với xu thế của thế giới, nội dung giảng dạy ngày càng phong phú, linh hoạt và theo định hướng phát triển năng lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo ngoại ngữ không chuyên bám sát định hướng chuẩn đầu ra Bậc 3; nội dung thực hành tiếng cho sinh viên chuyên ngữ được điều chỉnh tích hợp 2 kỹ năng Nghe-Nói, Đọc-Viết thay vì tách riêng để đáp ứng yêu cầu rút gọn đầu môn của Nhà trường và phù hợp với xu hướng giáo học pháp hiện đại. Ngoài ra, Khoa phối hợp với phòng TCCB và Trung tâm ĐBCL mở nhiều lớp bồi dưỡng năng lực tiếng Anh và tổ chức thi sát hạch ngoại ngữ hàng năm cho cán bộ.

Thứ năm, Khoa rất chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, xuất bản và hợp tác quốc tế. Với chức năng nhiệm vụ là đào tạo và nghiên cứu khoa học, lãnh đạo đơn vị luôn quan tâm chỉ đạo cán bộ đầu tư thời gian và công sức NCKH để nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Giai đoạn 2012-2017 có nhiều hoạt động chuyên môn liên quan đến Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020. Cán bộ khoa đã tham gia hàng trăm lượt tập huấn về phương pháp giảng dạy, biên soạn chương trình tài liệu và cáo cáo tại các hội thảo quốc gia, chủ trì tổ chức nhiều hội thảo và tập huấn quốc gia tại trường Đại học Vinh được Ban quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 đánh giá cao về chất lượng và số người tham gia. Về hợp tác quốc tế, Khoa đã phát huy hiệu quả chương trình liên kết quốc tế với Trường Đại học Rajabhat Maha Sarakham, Thái Lan.

Cuối cùng, công tác cơ sở vật chất, thiết bị, kế hoạch - tài chính, đời sống cũng được coi là nhiệm vụ thiết yếu trong tổng thể đảm bảo chất lượng của Trường và Khoa. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ của Khoa do Nhà trường phân bổ. Cán bộ phụ trách thiết bị có tinh thần trách nhiệm cao, bảo quản tốt các thiết bị máy móc tại phòng học tiếng và các thiết bị tại văn phòng. Khoa cũng dành một phần quỹ để trang bị thêm tài liệu dạy học, một số vật dụng phục vụ cán bộ tại văn phòng khoa và được sử dụng hiệu quả. Quỹ hoạt động của Khoa luôn được chi đúng

mục đích và minh bạch, theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Quỹ phúc lợi được chia công bằng cho cán bộ nhân dịp các ngày lễ lớn như 20-11 và Tết âm lịch. Ngoài ra đơn vị còn tổ chức đi du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ trong các dịp hè, thăm hỏi đồng viên cán bộ và thân nhân khi có việc trọng đại. Công tác thăm hỏi cứu giúp luôn được quan tâm chu đáo, duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các thế hệ cán bộ. Đời sống cán bộ Khoa ngày càng được nâng lên, cán bộ yên tâm làm việc và gắn bó với nghề.

Với những chính sách bao quát và toàn diện trong việc đảm bảo và phát huy chất lượng giáo dục của, từ khi thành lập đến nay, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tốt nhất khu vực Bắc Trung Bộ, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn cựu sinh viên trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

### Tiêu chuẩn 1

#### MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### *Mở đầu*

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh là một trong những cơ sở đào tạo ngoại ngữ hàng đầu tại Khu vực Bắc Trung Bộ.

CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh. CTĐT đã đảm bảo được quy định về chuẩn đầu ra (CĐR) bao gồm kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và lĩnh vực. Các mục tiêu của CĐR phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

***Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.***

##### *1. Mô tả*

Khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Vinh được thành lập vào năm 1994 theo Quyết định số 3090/GĐ-ĐT ngày 27/10/1994 của Bộ GD-ĐT [H1.01.01.01]. Năm 2013, Khoa Ngoại ngữ được đổi tên thành Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sau khi Trường Đại học Vinh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào danh sách xây dựng trường trọng điểm quốc gia [H1.01.01.02].

CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa được mở vào năm 2002 theo Quyết định số 6259/GĐ-BGD&ĐT-ĐH ngày 16/12/2002 của Bộ GD-ĐT [H1.01.01.03]. Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn để gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà Trường. Cụ thể, SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngôn ngữ Anh trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế [H1.01.01.04].

Các GV trong Khoa đều tìm hiểu, nắm vững tinh thần về sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, của Khoa và phát huy tốt tinh thần và trách nhiệm của mình vào quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. CTĐT được rà soát, điều chỉnh thường xuyên [H1.01.01.05], để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường. Đặc biệt từ năm 2016, thực hiện hướng dẫn quy trình xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh theo học chế tín chỉ tiếp cận CDIO [H1.01.01.06]. Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Theo đó, một điểm đổi mới quan trọng là sự thay đổi về tổng số tín chỉ và số đầu môn. Từ năm 2013 đến 2015 tổng số tín chỉ yêu cầu là 132 tín chỉ trên 42 đầu môn. Nhưng từ năm 2016, khi Trường Đại học Vinh triển khai chương trình tiếp cận CDIO thì số tín chỉ đã giảm xuống 125 trên 36 đầu môn do có sự tích hợp giữa các môn học với nhau [H1.01.02.03].

Năm học 2016-2017, Khoa cũng đã lấy ý kiến đóng góp của chuyên gia, cơ quan quản lý chuyên môn, trưởng bộ môn, SV năm cuối, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.07]. Kết quả cho thấy tất cả đều đánh giá các kiến thức, kỹ năng, năng lực trong CĐR, các học phần trong khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường [H1.01.01.08]

## ***2. Điểm mạnh***

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ. Nội dung của CTĐT đã có sự tích hợp, được cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2019-2020, Hội đồng KHĐT của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Đại học Vinh, với Luật giáo dục đại học và đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 1.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.**

##### **1. Mô tả**

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ giai đoạn 2010-2015, đào tạo tín chỉ theo phương pháp tiếp cận CDIO từ năm 2016. Các hoạt động cụ thể mà Khoa đã thực hiện là: thành lập nhóm chuyên gia biên soạn, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, tham gia các phiên họp nghiệm thu CĐR ở các cấp.

CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng và ban hành năm 2010, được cập nhật và điều chỉnh năm 2013, 2015. Năm học 2016-2017, CĐR của CTĐT tiếp tục được xây dựng và điều chỉnh theo hướng tiếp cận CDIO [H2.02.01.01]. Các CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và thái độ, vì vậy giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về ngôn ngữ Anh nói chung, kỹ năng biên, phiên dịch nói riêng. Các CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website của Trường và Khoa [H1.01.02.02].

CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.03-04]. Cụ thể:

*Về kiến thức và lập luận ngành*, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh hướng đến trang bị cho SV những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp, Ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp), sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu, các kiến thức dẫn luận ngôn ngữ, hiểu biết về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp.

*Những kiến thức cơ sở ngành* liên quan đến các kiến thức và kỹ năng tiếng Anh; lý luận ngôn ngữ Anh, phương pháp, chiến lược giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kiến thức văn hóa, lịch sử, chính trị xã hội của các quốc gia nói tiếng Anh, lược sử văn học Anh, hiểu biết phương pháp NCKH chuyên ngành. Những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm bắt một cách rõ nét khối kiến thức nền tảng của ngành Ngôn ngữ Anh và của từng chuyên ngành chuyên sâu như ngữ âm, âm vị; từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng học, phân tích diễn ngôn; giúp người học vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức Ngôn ngữ Anh vào nghiên cứu và ứng dụng như hoạt động biên, phiên dịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, hành chính văn phòng, truyền thông và quan hệ công chúng, marketing quốc tế, xây dựng các mối quan hệ, chăm sóc khách hàng, quy trình xây dựng dự án; kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp.

*Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp*, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động thực tập nghề nghiệp. CDR của các học phần thể hiện cụ thể nội dung CDR của CTĐT.

CDR ngành Ngôn ngữ Anh xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được như sau: Liên quan đến kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có kỹ năng thực hiện hiệu quả kỹ năng chuyển dịch ngôn ngữ văn bản, giao tiếp tiếng Anh thành thạo (trương đương bậc 5 Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh, chiến lược giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, kế hoạch tổ chức, hướng dẫn tour du lịch, nghiệp vụ hành chính văn phòng, nghiệp vụ truyền thông và quan hệ công chúng, kỹ năng marketing trong lĩnh vực kinh tế, kỹ năng xây dựng dự án, đánh giá phương án khả thi. SV có kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng phát hiện và hình thành vấn đề, tổng quát hóa vấn đề, triển khai giải pháp và đề xuất. Bên cạnh đó, kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CDR ngành Ngôn ngữ Anh. Cụ thể, SV phải có kỹ năng thể hiện khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CDR ngành Ngôn ngữ Anh cũng xác định những phẩm chất cá

nhân và đạo đức nghề nghiệp như liêm chính và trách nhiệm xã hội, hành xử chuyên nghiệp, trung thực trong nghề nghiệp, nhiệt tình và say mê công việc, tính kỷ luật nghề nghiệp.

Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp được nhấn mạnh trong CĐR ngành Ngôn ngữ Anh. Theo đó, SV phải có kỹ năng làm việc nhóm bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp liên quan đến chiến lược giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện, giao tiếp bằng ngoại ngữ.

Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức. Liên quan đến bối cảnh xã hội, SV phải nhận thức được vai trò và trách nhiệm của cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, xác định được tác động giữa ngôn ngữ Anh với xã hội, hiểu biết được các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp, hiểu biết bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế. Bối cảnh tổ chức yêu cầu SV có hiểu biết về sự đa dạng văn hóa của tổ chức, hiểu biết sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức; hiểu biết bối cảnh kinh doanh, hoạt động của tổ chức. CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến xây dựng phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp, phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp, lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp, xây dựng phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp. CĐR còn chú trọng đến năng lực thực hiện triển khai hoạt động nghề nghiệp và vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp [ H1.01.02.05].

## ***2. Điểm mạnh***

Khung CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế bao gồm những học phần mở có khả năng định hướng về chuyên môn nghề nghiệp ban đầu nhằm mục tiêu khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học. Để có thể thực hiện được toàn bộ CTĐT này, người học được đòi hỏi không chỉ có năng lực học tập mà còn phải có năng lực nghiên cứu, năng lực phát hiện vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực quản lý thời gian... và quan trọng hơn cả là năng lực sử dụng ngôn ngữ

trong thực tiễn. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các loại hình hoạt động trong mỗi học phần thúc đẩy người học tìm hiểu nội dung học tập từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, từ đó phát triển nhu cầu học tập một cách tự giác.

CĐR của CTĐT được thiết kế trên cơ sở phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể và tôn trọng cá nhân.

CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của đội ngũ khoa học, cán bộ quản lý, các GV nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần học tập và nghiên cứu, có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

### ***3. Điểm tồn tại***

CĐR của mỗi học phần chưa được xây dựng, rà soát một cách tổng thể trong mối liên hệ đối sánh với CĐR của CTĐT.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, trước mỗi học kỳ, năm học và khóa học, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ yêu cầu các GV rà soát lại CĐR của từng học phần. Hội đồng KHĐT Khoa đánh giá và đề xuất CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng yêu cầu xã hội.

### ***5. Tự đánh giá tiêu chí 1.2: Đạt ( mức 5/7)***

**Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.**

#### ***1. Mô tả***

Từ năm 2010 đến nay, CĐR của CTĐT đã được chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần (năm 2010, 2013, 2015, 2016) [H1.01.03.01].

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã có tham khảo CĐR CTĐT của một số trường ĐH uy tín ở Việt Nam như CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHNN- ĐH Huế và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh [H1.01.03.02].

Nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành Ngôn ngữ Anh, trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT,



Khoa SP Ngoại ngữ đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, GV, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CDR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.03]. Kết quả thu thập từ các nhà tuyển dụng cho biết thị trường lao động cần những cử nhân tốt nghiệp ra trường phải có kiến thức chuyên ngành vững chắc, có hiểu biết về tâm lý nghề nghiệp, sử dụng thành thạo CNTT trong công việc, có kỹ năng làm việc nhóm và có kỹ năng hình thành ý tưởng trong hoạt động nghề nghiệp,... Từ đó Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã xây dựng nên CDR phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn mới [H1.01.02.05]. Quá trình thẩm định CDR của CTĐT Khoa SP Ngoại ngữ đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội, CDR ngành Ngôn ngữ Anh đã được Hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.03.04]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CDR đã được hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình đào tạo. Đồng thời phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan thông qua danh mục các CDR (về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần).

CDR của CTĐT được công bố công khai tới các cán bộ GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang HS SV, đợt sinh hoạt công dân đầu [H1.01.03.5]

## ***2. Điểm mạnh***

CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư) và từng học phần cụ thể.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc trao đổi, hợp tác, phản hồi của các bên liên quan về CDR còn gặp một số khó khăn do Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như subweb, mạng lưới các nhà tuyển dụng, vv.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Khoa SP Ngoại ngữ sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ký kết các thỏa thuận hợp tác với những cơ quan đang sử dụng và có nhu cầu sử dụng SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh; Khoa sẽ cùng Hội đồng KHĐT khoa làm việc với các cơ sở này để rà soát, trao đổi và xây dựng những nguyên tắc liên quan đến CDR của CTĐT.

Khoa sẽ tiếp tục trao đổi để xây dựng được kênh truyền thông riêng cho khoa vào cuối 2018, đầu 2019 nhằm phục vụ công tác đào tạo của khoa. Hiện nay, Khoa đang trong giai đoạn chuẩn bị nội dung, dự trù kinh phí xây dựng kênh thông tin này.

#### ***5. Tự đánh giá tiêu chí 1.3: Đạt ( mức 5/7)***

##### **Kết luận về tiêu chuẩn 1**

Mục tiêu của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đã xác định rõ ràng các hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. SV qua đó có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CDR ngành Ngôn ngữ Anh được công bố công khai đến từng sinh viên thông qua trang học tập cá nhân trên hệ thống website của Trường ở mỗi kì học, mỗi năm học.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT mới chỉ được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của nhà trường. Khoa chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, cũng như chưa thiết lập được kênh thông tin riêng như website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

##### **Đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt ( mức 5/7)**

## Tiêu chuẩn 2

### BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### *Mở đầu*

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Đại học Vinh ban hành từ năm 2010. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh hàng năm (2011, 2013, 2014, 2015, 2016) theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

#### **Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.**

##### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02] được Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thiết kế dựa trên chương trình khung ngành Ngôn ngữ Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.02.01.03], được Trường Đại học Vinh cụ thể hóa bằng các văn bản hướng dẫn xây dựng và phát triển CTĐT [H2.02.01.04]. Bản mô tả đã được điều chỉnh cập nhật theo quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Đại học Vinh ban hành và theo hướng quốc tế hóa. Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp đầy đủ cụ thể các thông tin về CTĐT (tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo), mục tiêu và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo.

Nội dung của Khung CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được tóm tắt như sau: Khung CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh với loại hình đào tạo chính quy được dùng để đào tạo Cử nhân khoa học Ngôn ngữ Anh trong thời gian 4-6 năm. Đối tượng tuyển sinh cho chương trình này là học sinh đã tốt nghiệp THPT trên cả nước. Nội dung của CTĐT gồm có khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Theo đánh giá của giảng viên, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên năm cuối ngành Ngôn ngữ Anh, bản mô tả CTĐT có đầy

đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H2.02.01.05]. Dựa vào bản mô tả CTĐT, SV biết được lộ trình các môn học, những kỹ năng thích ứng với các môn học, từ đó các em có sự chủ động trong việc chuẩn bị, lên kế hoạch cho việc học tập. Mặt khác, GV cũng cho rằng Khung CTĐT giúp họ có một cái nhìn xuyên suốt CTĐT và biết được vị trí của môn học mà mình đảm nhiệm trong toàn bộ tiến trình đào tạo, từ đó có kế hoạch giảng dạy phù hợp để phát huy những kiến thức cũ mà SV đã được học và giúp SV hình thành kiến thức mới. Theo đánh giá của các nhà tuyển dụng, bản mô tả CTĐT cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học; giúp họ biết được đối tượng tuyển dụng của họ đã có kiến thức, kỹ năng gì và cần bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng gì khác [H2.02.01.05].

## ***2. Điểm mạnh***

Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh tính thực hành của các kiến thức được đào tạo.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Trường Đại học Vinh; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT.

## ***3. Điểm tồn tại***

Bản mô tả CTĐT chưa nhấn mạnh đến nét riêng biệt của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ so với các chương trình đào tạo hiện hành khác.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ chỉ đạo Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT, nhấn mạnh vào các học phần chuyên ngành liên quan đến Ngôn ngữ Anh mà Khoa đang đảm nhiệm.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 2.1: Đạt (mức 5/7)***

## **Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.**

### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần của CTĐT được Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tiến hành tổ chức xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại các văn bản của Trường Đại học Vinh ban hành, đáp ứng CDR của CTĐT [H2.02.02.01].

Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CDR của từng học phần [H2.02.02.02].

Các đề cương học phần cung cấp đầy đủ những nội dung thông tin về tên gọi học phần, mã học phần, các điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, mục tiêu học phần, các chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng bổ trợ và phẩm chất đạo đức; mô tả đầy đủ về nội dung chi tiết của học phần và hướng dẫn thực hiện nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nguồn học liệu (gồm các giáo trình và tài liệu tham khảo).

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CDR được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ [H2.02.02.03]. Cụ thể, trong các CTĐT được xây dựng từ năm 2013 trở về trước, ngành Ngôn ngữ Anh có tất cả 46 đề cương học phần chi tiết với tổng số 130 tín chỉ. Nhưng CTĐT từ năm 2014 đã có sự điều chỉnh với tổng số học phần tăng lên 48 và số tín chỉ tăng lên 132. Tuy nhiên, đến năm 2016, đặc biệt là từ 2017, CTĐT đã có sự điều chỉnh và cập nhật theo yêu cầu tuyển dụng khi bớt đáng kể số lượng học phần (xuống còn 36 học phần) và số tín chỉ (xuống còn 125 tín chỉ) để tăng thời lượng tự học của SV. Một số học phần mới (Hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp, Quy trình xây dựng dự án) đã được bổ sung vào CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh thay thế một số học phần cũ không liên quan (Cơ sở văn hóa Việt Nam). Ngoài ra, từ năm 2017 tất cả các học phần đã được chia thành 3 khối kiến thức là khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Việc giảng dạy các khối kiến thức này được tiến hành trong 2 giai đoạn, với giai đoạn 1 bao gồm 45 tín chỉ (chủ yếu tập trung vào khối kiến thức đại cương) và giai đoạn 2 bao gồm 80 tín chỉ (tập trung vào khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành) [H2.02.03.02]. Tất cả những sự điều chỉnh và cập nhật này đều dựa trên ý kiến khảo sát từ GV, SV năm cuối, cựu SV, các nhà quản lý và các nhà tuyển dụng lao động nhằm hướng tới mục tiêu giáo dục bám sát nhất với nhu cầu xã hội và đáp ứng được nhu cầu xã hội [H2.02.03.04].

Các đề cương học phần đều được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của các trường đại học tiên tiến trên thế giới, có sự chọn lọc phù hợp với nền văn hóa, xã hội, chính trị của Việt Nam. [H1.01.02.04]

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Đại học Vinh.

Các đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số đề cương học phần chưa có hệ thống bài giảng, giáo trình cập nhật để SV có thể khảo cứu dễ dàng còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2018-2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ cùng với các tổ bộ môn, hội đồng KHĐT khoa tiếp tục tiến hành biên soạn lại và biên soạn mới đề cương các học phần sau khi điều chỉnh khung CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO; bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 2.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.**

### **1. Mô tả**

Sau khi CTĐT theo CĐR ngành Ngôn ngữ Anh được Đại học Vinh ban hành năm 2010, 2013, 2015, 2016, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã công bố công khai cho người học và giảng viên nội dung của Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần [H2.02.03.01-02] bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của Nhà trường, subweb của Khoa (<http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/dao-tao/ngon-ngu-anh/seo/chuan-dau-ra-nganh-ngon-ngu-anh-53858>) ; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin. Những điều chỉnh đều được cập nhật trên

website của Nhà trường để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.03].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trước khi công bố công khai đều được phản biện bởi hội đồng KHĐT của Khoa, các chuyên gia trong và ngoài trường. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được điều chỉnh định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối..... [H2.02.03.04]. Ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát đều cho rằng việc công bố công khai, rộng rãi bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau, giúp các bên liên quan tiếp cận dễ dàng và thuận tiện. Nó không chỉ giúp SV xây dựng lộ trình học tập phù hợp mà còn giúp GV có sự đối sánh với các CTĐT và các học phần khác, để từ đó có sự bổ sung, điều chỉnh kịp thời. Mặt khác, nó còn giúp các nhà tuyển dụng và xã hội phản hồi kịp thời về mức độ phù hợp đối với các nội dung giảng dạy trong CTĐT và các học phần, từ đó giúp hoàn thiện CTĐT và đề cương các học phần để sản phẩm giáo dục đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của xã hội [H2.02.03.04].

## ***2. Điểm mạnh***

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (mục tiêu, CĐR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng quốc tế hóa các tri thức và mang tính ứng dụng cao.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa đã tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần, nhưng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi còn ở mức độ hạn chế.

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018-2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ kết hợp với Trung tâm ĐBCLGD và phòng CTCT-HSSV của Nhà trường để mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành Ngôn ngữ Anh và quốc tế hóa CTĐT.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 2.3: Đạt ( mức 5/7)**

##### **Kết luận tiêu chuẩn 2**

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như đóng góp, xây dựng của hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học.

Mặc dầu vậy, việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần đến các bên có liên quan vẫn đang được thực hiện một cách thiếu khoa học và không chuyên nghiệp. Khoa thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

##### **Đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt ( mức 5/7)**



### Tiêu chuẩn 3

## CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### *Mở đầu*

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CDR của từng học phần và CDR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành Ngôn ngữ Anh liên tục được rà soát định kỳ 2 năm 1 lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

### **Tiêu chí 3.1: *Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành. Để xây dựng CTĐT cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể [H3.03.01.01]. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và được công bố công khai trên website của Trường và Khoa.

Từ năm 2016 trở về trước, Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc tại các cơ quan, tổ chức như: bộ phận đối ngoại của các cơ quan quản lý nhà nước ở các ngành, các cấp; các công ti liên doanh, tổ chức phi chính phủ, tổ chức nước ngoài, các công ty du lịch, các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa trong và ngoài nước. Cấu trúc của chương trình gồm 42 đầu môn học trên tổng số 132 tín chỉ, tập trung vào các khối kiến thức lý luận chính trị, tin học; kiến thức và kỹ năng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết), kiến thức và kỹ năng Biên, Phiên dịch và kiến thức về lý luận ngôn ngữ tiếng Anh. Ngoài ra, SV có 7 tuần thực tập chuyên ngành và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học-

thi 2 học phần thay thế tốt nghiệp là Dịch nâng cao và Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 [H3.03.01.02]; CTĐT được rà soát 2 năm 1 lần đảm bảo tính cập nhật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, và về cơ bản tập trung điều chỉnh về phân kỳ học phần, nội dung học phần và tích hợp học phần (Nghe-Nói, Đọc-Viết).

Từ năm 2017, Nhà trường triển khai đổi mới CTĐT tiếp cận CDIO, theo đó CTĐT còn 36 đầu môn học trên tổng số 125 tín chỉ; số đầu môn giảm do thiết kế CTĐT theo hướng tích hợp các học phần, đồng thời bổ sung một số học phần mới để đáp ứng CĐR CTĐT sau khi khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Chủ đề của CĐR CTĐT bám sát 4 trụ cột chính là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và năng lực CDIO, gồm năng lực hình thành ý tưởng (C), xây dựng (D), thực hiện (I) và phát triển (D) hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức [H3.03.01.03].

CTDH từng học phần được thiết kế dựa trên các chủ đề CĐR của CTĐT, bảng phân nhiệm mức độ giảng dạy (ITU) và bảng phân nhiệm trình độ năng lực (Ma trận ITU và TĐNL giữa học phần và CĐR) [H3.03.01.04], theo đó CĐR của CTĐT phân nhiệm cho học phần đảm bảo sự phù hợp, logic và tương ứng với nội dung cốt lõi của học phần; đồng thời áp dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đa dạng như bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tập theo dự án, kiểm tra - thi tự luận, v.v... nhằm giúp SV phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng lập luận phân tích, đánh giá vấn đề, phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

## **2. Điểm mạnh**

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành Ngôn ngữ Anh có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực.

CTDH thường xuyên được cải tiến, đặc biệt là CTĐT tiếp cận CDIO, trong đó các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý, khoa học đáp ứng CĐR của CTĐT; việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học không chồng chéo giữa các học phần.

CTDH gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà tuyển dụng, giúp người học phát triển toàn diện với các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi.

### ***3. Điểm tồn tại***

CTĐT tiếp cận CDIO khá mới đối với bối cảnh GD&ĐT tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam nói chung và tại Trường Đại học Vinh nói riêng. Do vậy việc tiếp cận nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận bước đầu còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả dạy-học chưa đồng đều ở các học phần.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Hội đồng KH&ĐT Khoa tăng cường công tác dự giờ thăm lớp, tổ chức hoạt động xêmina cấp khoa và bộ môn để góp ý xây dựng nâng cao hiệu quả việc triển khai nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá ở tất cả các học phần; đồng thời đề xuất với Nhà trường tăng cường công tác tư vấn, trao đổi giữa các nhóm nghiên cứu CDIO của nhà trường với GV khoa nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy của GV.

### ***5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)***

**Tiêu chí 3.2: *Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là có rõ ràng.***

#### ***1. Mô tả***

Khung CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế theo cấu trúc từ cơ bản đến chuyên sâu. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có đề cương chi tiết, do GV của các Bộ môn biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT và với phương thức đào tạo theo tín chỉ [H3.03.02.01]. Từ năm học 2016-2017 trở về trước, để hoàn thành CTĐT, SV phải đăng ký học và tích lũy đủ 132 tín chỉ của 42 đơn vị học phần. Mỗi đề cương đều có đầy đủ thông tin về đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo [H3.03.02.02]. Trong tất cả các đề cương học phần đều có phần CDR được thể hiện rõ ràng, cụ thể và những nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần trên các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV. Kế hoạch giảng dạy trong đề cương có chỉ ra các phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá để đảm bảo người học phải đạt được CDR của học phần và CTĐT.

Từ năm học 2017 - 2018, với CTĐT tiếp cận CDIO, SV phải đăng ký học và tích lũy đủ 125 tín chỉ của 36 đơn vị học phần. Mỗi học phần trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học

phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.02.03]. Cụ thể, mỗi học phần được phân nhiệm theo ma trận CĐR của CTĐT, theo ma trận thang đo năng lực và mức độ giảng dạy (I,T,U) trên cơ sở đó cụ thể hóa các mục tiêu và CĐR chi tiết của từng học phần nhằm đáp ứng CĐR được phân nhiệm. Các học phần xác định rõ nội dung, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy được chi tiết hóa và ứng với từng chủ đề CĐR của học phần. Các học phần theo các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành kiến thức chuyên ngành) được phân chia theo nội dung giảng dạy, thời lượng, thời gian giảng dạy phù hợp theo khung của CTĐT và dựa trên cơ sở của độ khó học phần để phân nhiệm mục tiêu học phần cần đạt theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp cụ thể đã xác định trong CTĐT.

## ***2. Điểm mạnh***

Chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT được phân bố hợp lý, khoa học, gắn với CĐR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức Chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Đặc biệt các học phần đều đảm bảo SV tiếp thu được các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu, thực hành và làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng; nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của từng học phần bám sát với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT phân nhiệm cho học phần.

## ***3. Điểm tồn tại***

Nội dung chương trình của một vài học phần thuộc kiến thức lý thuyết chưa thể hiện rõ tính cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, khoa Sư phạm Ngoại ngữ phân công nhiệm vụ cho các GV rà soát và kiểm tra đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. GV được giao nhiệm vụ báo cáo những điểm mạnh, điểm hạn chế của đề cương chi

tiết bên cạnh đó đề xuất những thay đổi phù hợp và bổ cứu kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CDR của CTĐT.

Tiếp tục triển khai các đề tài KH&CN về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG theo CDIO đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành từ năm học 2019-2020.

**5. Tự đánh giá:** Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

### **1. Mô tả**

Giai đoạn 2013-2016, CTDH ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa trên bộ CDR của CTĐT, với 132 tín chỉ trên tổng số 42 đơn vị học phần được phân chia theo khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành; bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin về tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân kỳ của học phần và bộ môn phụ trách [H3.03.03.01]. Các học phần trong CTĐT nêu rõ mục tiêu học phần về kiến thức, kỹ năng và thái độ SV cần đạt được; nội dung giảng dạy, kế hoạch giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện rõ ràng và bám sát với mục tiêu và CDR của học phần. Cấu trúc chương trình được sắp xếp theo trình tự học phần thể hiện năng lực cần đạt được từ thấp lên cao đối với người học; thể hiện rõ học phần tiên quyết và hỗ trợ học phần tiếp theo hoặc học phần được tiến hành song song cùng phân kỳ.

Từ năm học 2017 - 2018, CTDH đã được cải tiến khi Nhà trường áp dụng CTĐT tiếp cận CDIO [H3.03.03.02]. CDHD ngành Ngôn ngữ Anh có 125 tín chỉ trên tổng số 36 đơn vị học phần, với cấu trúc và trình tự logic hơn những năm trước đó. Cụ thể, khối kiến thức đại cương gồm 10 học phần tương đương 35 tín chỉ, chiếm 28% tổng số tín chỉ của CTĐT; khối kiến thức cơ sở ngành gồm 16 học phần tương đương 56 tín chỉ, chiếm 44,8%; kiến thức chuyên ngành gồm 10 học phần tương đương 34 tín chỉ, chiếm 27,2% [H3.03.03.03]; các học phần thuộc khối kiến thức đại cương được tiến hành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3; khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được tiến hành từ học kỳ 4 đến học kỳ 7 đảm bảo tính hợp lý và logic; thực tập chuyên ngành được tiến hành vào kỳ 8. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động.

CTHD cũng thể hiện tính cập nhật và bám sát yêu cầu của CĐR CTĐT khi bổ sung các học phần mới như bổ sung 2 học phần vào khối kiến thức đại cương là Dẫn luận ngôn ngữ và Hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp, bổ sung học phần Giao tiếp trong kinh doanh vào khối kiến thức chuyên ngành; tích hợp một số môn học trong khối kiến thức cơ sở ngành như Nghe - Nói, Đọc - Viết, Từ vựng - Ngữ nghĩa; số lượng học phần tự tăng lên 4 đầu môn và bổ sung một số đầu môn mới để đảm bảo tính cập nhật của CTĐT và tạo điều kiện cho SV lựa chọn học phần phù hợp với định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.04].

CTDH thể hiện chi tiết năng lực cần đạt được theo 4 trụ cột là kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, và năng lực thực hành nghề nghiệp. Trình tự khu năng lực cần đạt được thiết kế theo CĐR của CTĐT và theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, gắn liền với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và năng lực thực hành nghề nghiệp (thực tập chuyên ngành) [H3.03.03.05].

Nội dung kiến thức ngôn ngữ được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. Các đề cương chi tiết học phần thể hiện rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Số tiết dành cho phần tự học & tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín trên thế giới [H3.03.03.06].

Ngoài ra hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm thì rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa [H3.03.03.07].

## ***2. Điểm mạnh***

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước hoặc quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

### ***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù từ năm 2017, Nhà trường và Khoa đã tổ chức, rút kinh nghiệm hơn 1 năm triển khai CTDH tiếp cận CDIO ngành Ngôn ngữ Anh, tuy nhiên do chương trình mới được tiến hành chưa được 2 năm nên chưa có cơ sở để lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả của CTDH tiếp cận CDIO của ngành.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Năm học 2019-2020, Khoa đề xuất với Nhà trường về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhằm đánh giá một cách toàn diện hơn về hiệu quả triển khai CTDH tiếp cận CDIO để kịp thời có những điều chỉnh, cải tiến CTDH, đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Hơn nữa, Hội đồng KH&ĐT khoa sẽ tập trung chỉ đạo GV thực hiện CTDH cần phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh để nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố của CDR CTĐT.

### ***5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)***

### **Kết luận về tiêu chuẩn 3**

CTDH của ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng KH&ĐT của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành ngôn ngữ Anh trong khu vực và trên thế giới. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Cán bộ GV khi

thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập, NCKH. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

**Đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt (mức 5/7)**



## Tiêu chuẩn 4

### PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

#### *Mở đầu*

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành Ngôn ngữ Anh cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường Đại học Vinh chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Giai đoạn 2013-2016, phương pháp tiếp cận trong dạy và học được GV, SV ngành Ngôn ngữ Anh cập nhật, áp dụng và triển khai tương đối hiệu quả và được rà soát điều chỉnh hàng năm. Từ năm 2017, khi Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo định hướng CDIO đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học thì CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó nhấn mạnh việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng (C), xây dựng (D), thực hiện (I) và phát triển (D) hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và tổ chức.

**Tiêu chí 4.1: *Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

#### *1. Mô tả*

Mục tiêu của CTĐT được tuyên bố trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và được điều chỉnh, bổ sung theo từng năm 2013, 2015, 2016. Cụ thể trước năm 2016, CTĐT chưa mô tả rõ các CĐR cần đạt theo trình độ năng lực và chưa phân nhiệm cho các học phần trong CTĐT [H4.04.01.01]; các lần rà soát tập trung chủ yếu vào công tác điều chỉnh khung CTĐT, điều chỉnh phân kỳ của học phần và điều chỉnh bổ sung nội dung giảng dạy [H4.04.01.02].

Từ năm 2016 Nhà trường chỉ đạo tất cả các ngành trong toàn trường nghiên cứu xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO [H4.04.01.03], theo đó Khoa SP Ngoại ngữ tiến hành nghiên cứu xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO trên cơ sở phân tích đối sánh giữa CTĐT hiện hành với các mục tiêu đào tạo tiếp cận CDIO, xây dựng CĐR và khung CTĐT và thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan nhằm xây dựng CTĐT phù hợp yêu cầu của Nhà trường về đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới (theo Quyết định số 10

/KH-ĐHV do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký ngày 8 tháng 3 năm 2016) là: (1) Xây dựng CTĐT nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV theo CIDO cho tất cả các ngành đại học chính quy, (2) Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn với nhu cầu xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực, nâng cấp CTĐT, tiếp cận với CTĐT quốc tế, liên thông đào tạo tín chỉ với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, (3) Giúp SV phát triển toàn diện và về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn. (4) Đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, (5) Góp phần thay đổi tư duy tổ chức quản lý đào tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, dịch vụ giáo dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội, (6) Xây dựng CTĐT nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV theo CDIO đúng tiêu chuẩn, phù hợp với thực tiễn của Trường và bắt đầu áp dụng từ khóa đào tạo tuyển sinh năm 2017.

Theo đó, Khoa SP Ngoại ngữ đã thành lập Ban xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo CIDO cấp khoa [H4.04.01.04], đồng thời đã xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng lập luận ngành; phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và năng lực CDIO trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tuyên bố CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đã được cụ thể hóa trong từng đề cương chi tiết học phần và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội [H4.04.01.05].

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và CDR được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng chương CDR của CTĐT đại học chính quy tiếp cận CIDO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần [H4.04.01.06].

Đối với SV, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo, và mục tiêu đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh cho SV Khoa. Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội SV cấp Trường và cấp Khoa cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của SV trong quá trình học tập [H4.04.01.07].

Hàng năm công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường,

Khoa cũng như việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục, dịch vụ giáo dục công được tiến hành khảo sát đo lường về mức độ hài lòng [H4.04.01.08]. Kết quả khảo sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

## **2. Điểm mạnh**

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở ở một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng ở các khu vực khác.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018- 2019, Khoa SP Ngoại ngữ sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR CTĐT cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.**

### **1. Mô tả**

Các hoạt động đào tạo của Khoa SP Ngoại ngữ được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập, thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần của SV. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học [H4.04.02.01].

CTĐT được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ 2 năm 1 lần, với tỉ lệ không quá 20% nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước. [H4.04.02.02]. Từ năm 2013 đến năm 2015, việc rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy được tiến hành nghiêm túc, nghiêm túc và có tính cập nhật, đổi mới, song Khoa chưa đưa ra ma trận giữa

CĐR CTĐT với các phương pháp dạy học để kiểm soát và đảm bảo mức độ đạt được của từng học phần đối với CĐR của CTĐT [H4.04.02.03].

Từ năm 2016, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành, theo Quyết định số 160/QĐ-ĐHV ngày 08-03-2016 của Nhà trường [H4.04.02.04]. Theo đó, CĐR CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp [H4.04.02.05].

Thực hiện Hướng dẫn về việc kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận CDIO, GV các Bộ môn giảng dạy ngành Ngôn ngữ Anh đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, cặp đôi, đóng vai theo chủ đề, xây dựng portfolio; hình thức thi hết môn thường là thi viết, trắc nghiệm khách quan online, vấn đáp, trình bày, làm bài tập lớn. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiện thi trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Cụ thể, kể từ năm học 2017, khi CTĐT được thiết kế theo định hướng CDIO, các hoạt động dạy và học đã được đề cập trong CTDH của các học phần và đã được GV thực hiện thông qua bài giảng và các hoạt động thực hành. Nhiệm vụ tự học và tự nghiên cứu của SV đã được mô tả rõ ràng và được đánh giá dựa trên các tiêu chí và phiếu đánh giá (rubric, checklist) [H4.04.02.06].

Người học được tiếp cận chương trình học tập linh hoạt để có thể chủ động lựa chọn thời gian, GV, lộ trình học tập theo nhu cầu và khả năng của bản thân [H4.04.02.07]. SV có thể đăng ký theo học chuyên ngành 2 theo nhu cầu của cá nhân. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn được tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp SV đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ như chủ trì, tham gia Câu lạc bộ tiếng Anh định kỳ hàng tuần của Khoa, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, và các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ học tập [H4.04.02.08].

Hoạt động thực tập thực tế là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 5 tín chỉ. SV được cử đến hoặc tự liên hệ với các cơ sở thực tập để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu thực tập để định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp của SV như khách sạn, trung tâm dịch thuật, các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, trường học, trung tâm xúc tiến việc làm, trung tâm lễ hành, vv [H4.04.02.09]. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn.

Hàng năm, Khoa đều tổ chức Tháng rèn nghề và Hội thi Sinh viên với rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cho SV ngành ngôn ngữ Anh nhằm đáp ứng CDR của CTĐT tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai [H4.04.02.10].

Hàng năm, GV của Khoa tích cực tham gia chủ trì thực hiện đề tài KH & CN cấp trường, cấp khoa nhằm áp dụng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động NCKH [H4.04.02.11]. SV luôn được khuyến khích tham gia NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp bộ môn tới cấp khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [H4.04.02.12].

Hoạt động Trao đổi sáng kiến kinh nghiệm diễn ra thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV. Cán bộ và GV của Khoa tham gia hiệu quả các hội thảo, tập huấn, seminar từ cấp bộ môn trở lên [H4.04.02.13]. Ngoài ra, hàng năm, GV của khoa đăng ký dự giờ thao giảng, tham gia các cuộc thi giáo viên dạy giỏi cấp trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy. [H4.04.02.14].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch nhiệm vụ và triển khai hàng năm của khoa và Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối học kỳ và năm học [H4.04.02.15].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. GV và SV tham gia đều đặn các hoạt động NCKH. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các

hoạt động thực tế, thực tập và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

### **3. Điểm tồn tại**

Các hoạt động dạy và học của một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế chưa cao; Cách bố trí bàn-ghế học tập tạo một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học ngoại ngữ, chưa thuận lợi trong việc làm nhóm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2018- 2019 trở về sau, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các bên liên quan để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với CDR; kiến nghị với Nhà trường trang bị các phòng học tiếng về việc mua sắm và sắp xếp bàn-ghế phù hợp với các lớp học ngoại ngữ của khoa. Bên cạnh đó, khoa đề xuất với Nhà trường cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, chú trọng đến phương thức thực tập, chế độ phù hợp cho cán bộ hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng thực tập thực tế cho SV.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí: 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.**

#### **1. Mô tả**

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.

Tầm quan trọng của kỹ năng học tập suốt đời được GV nhấn mạnh trong các bài giảng của các học phần và được SV thể hiện thông qua các bài tập online được đánh giá bởi GV thông qua trang thông tin điện tử của nhà xuất bản Cengage và National Geographic Learning (<https://myelt.heinle.com>). Ngoài ra các hoạt động tự học và tự nghiên cứu của SV được GV đánh giá thông qua các bài tập dự án, hồ sơ học tập mà đã được nêu rõ trong nội dung đánh giá học phần của các học phần trong CTĐT.

Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành Ngôn ngữ Anh [H4.04.03.01] thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H4.04.03.02].

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các thầy cô [H4.04.03.03]. Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.04].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website nhà trường, thư viện trường qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV [H4.04.03.05].

Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, Khoa SP Ngoại Ngữ hàng năm tổ chức hội thi “Sinh viên với rèn luyện việc kỹ năng nghề nghiệp” và tổ chức đoàn thực tập cho SV ngành Ngôn ngữ Anh [H4.04.03.06].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV cuối khóa, triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công [H4.04.03.07] và lấy kiến của các nhà tuyển dụng lao động giúp nhà trường, và Khoa SP Ngoại Ngữ có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo nghiệm thực tế các biểu mẫu thống kê và khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh [H4.04.03.08].

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực và thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV.

GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

## **3. Điểm tồn tại**

Số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV.

Điều kiện phòng học (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển) chưa thực sự phù hợp với việc tổ chức một số phương pháp dạy học tích cực như các hoạt động thực hành giao tiếp và các bài trình bày theo nhóm nhỏ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018 - 2019 Khoa sẽ kiến nghị với đội ngũ GV xây dựng bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV, đồng thời đề xuất với Nhà trường sắp xếp các môn học có thực hành, bài tập nhóm vào các phòng học mà bàn ghế có thể di chuyển thuận tiện cho việc tổ chức dạy-học hiệu quả. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT của Khoa phân công GV rà soát và điều chỉnh nội dung của một số học phần được xem là nặng về lý thuyết hàn lâm mà thiếu đi tính ứng dụng vào thực tế.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 4**

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên



cứu. Việc đánh giá kết quả học tập một số học phần còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

**Đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt (mức 5/7)**

## Tiêu chuẩn 5

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

#### *Mở đầu*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt khóa học nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

**Tiêu chí 5.1:** *Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.*

#### *1. Mô tả*

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành Ngôn ngữ Anh theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT. Quy trình tuyển sinh được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy trình từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01], đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông, sinh viên học ngành 2 và tuyển sinh đào tạo lưu học sinh quốc tế [H5.05.01.02].

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành Ngôn ngữ Anh được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.03]. Đặc biệt, bắt đầu từ năm học 2017-2018, khi Trường Đại học Vinh chuyển sang mô hình đào tạo trình độ đại học tiếp cận CDIO, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa trên CDR của CTĐT phân nhiệm cho từng học phần, mục tiêu của CTĐT, ma

trận thang đo năng lực và mức độ giảng dạy (I,T,U); thi kết thúc học phần đều có ma trận đề thi nhằm đảm bảo phương pháp kiểm tra đánh giá phủ được lượng kiến thức và kỹ năng mà CDR từng học phần đề ra [H5.05.01.04]. Tổ hợp các phương pháp đánh giá hồ sơ học tập của SV được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, và chiếm 20% trọng số điểm của mỗi học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, phân tích, phản biện, v.v... Tất cả các học phần đều có Đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần như sau: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), hồ sơ học tập (20%), điểm kiểm tra giữa kỳ (20%), điểm thi hết học phần (50%) [H5.05.01.05].

Trường Đại học Vinh và Khoa SP Ngoại ngữ có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp, theo đó từ năm 2015 trở về trước, Nhà trường áp dụng quy định thi tốt nghiệp và thực tập cuối khóa để xét tốt nghiệp cho SV; từ năm 2016 Nhà trường áp dụng quy định miễn thi tốt nghiệp [H5.05.01.06].

Các quy định về kiểm tra-thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của khoa SP Ngoại ngữ và diễn đàn trao đổi phương pháp học tập cho SV đầu khóa. Ngoài ra, SV được nắm rõ đề cương học phần và các quy định về kiểm tra đánh giá từng học phần thông qua buổi học đầu tiên của từng học phần SV để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp trong quá trình học tập [H5.05.01.07]. Việc thông báo kết quả SV đăng ký học và các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra-thi được cập nhật thường xuyên, liên tục thông qua tài khoản cá nhân tại địa chỉ <http://student.vinhuni.edu.vn> nhằm giúp SV nắm rõ các quy định về quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả học tập.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan,

chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra từng học phần và CTĐT.

Các quy định về kiểm tra đánh giá thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến người học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

### ***3. Điểm tồn tại***

Nhà trường chưa tổ chức thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để đánh giá mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra-thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được chuẩn đầu ra và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, các bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh rà soát hình thức kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh phù hợp.

Khoa sẽ phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra-thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV.

### ***5. Tự đánh giá tiêu chí 5.1: Đạt (mức 5/7)***

***Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

#### ***1. Mô tả***

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Ngôn Ngữ Anh - Khoa SP ngoại ngữ được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Vinh và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường [H5.05.02.01]. Giai đoạn 2013-2016, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học gồm đánh giá mức độ chuyên cần của người học trên lớp (10%), kiểm tra giữa kỳ (20%) và thi cuối kỳ (70%). Mức độ chuyên cần được đánh giá trong suốt mỗi kỳ học, theo đó SV phải tham dự tối thiểu 80% giờ học trên lớp và tích tham gia các hoạt động học tại lớp học và làm bài tập ở nhà do GV yêu cầu; kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 7 của học kỳ theo hình thức bài kiểm tra tự luận, hoặc trắc nghiệm, hoặc kết hợp cả 2 hình thức này; các học phần kỹ năng tiếng có sự kết hợp 2 phương thức trên với phương thức đánh giá về thuyết trình nhóm, hoặc bài tập theo dự án để đánh

giá kết quả kiểm tra giữa kỳ của SV. Từ năm học 2017-2018 (khóa 58), Nhà trường cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học [H5.05.02.02], theo đó đánh giá ý thức học tập (gồm học tập chuyên cần và học tập tích cực trên lớp và ở nhà, chiếm 10%), hồ sơ học tập (gồm viết báo cáo, thuyết trình, bài thu hoạch, bài tập theo dự án, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần, chiếm 20%), kiểm tra định kỳ (kiểm tra 1 lần theo hình thức trắc nghiệm trên máy đối với học phần từ 3 tín chỉ trở xuống và kiểm tra 2 lần đối với học phần từ 4 tín chỉ trở lên, chiếm 20%) và thi kết thúc môn học (theo hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận, chiếm 50%). Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường, khoa và cổng thông cá nhân sinh viên [H5.05.02.03]. Trung tâm đảm bảo chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.02.04]. Tiêu chí về kiểm tra đánh giá ý thức học tập, hồ sơ học tập, kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ đều có tiêu chí đánh giá cụ thể cho từng học phần; đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của sinh viên cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể [H5.05.02.05]; đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/ thực tập tốt nghiệp được thông báo đến sinh viên theo đúng tín độ và quy trình. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hàng năm.

SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra. Ngoài ra, SV ngành Ngôn ngữ Anh được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập của khoa [H5.05.02.06]. Các thông tin, quy định về kiểm tra đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức (Hội nghị dân chủ SV cấp lớp và cấp khoa, kết quả phỏng vấn người học, phiếu lấy ý kiến đánh sinh viên cuối khóa) [H5.05.02.07].

## ***2. Điểm mạnh***

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

## ***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trên trang web của Nhà Trường và của khoa, tuy nhiên việc truy cập vào website của người học chưa được thường xuyên, liên tục.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2017-2018, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tăng cường sử dụng website môn học và phần mềm quản lý người học (LMS) qua đó GV sẽ đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các bài tập hỗ trợ việc học tập để làm cơ sở kiểm tra đánh giá quá trình học tập, đồng thời giúp SV chủ động truy cập quy định và kế hoạch kiểm tra đánh giá.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 5.2: Đạt (mức 5/7)***

**Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.**

### ***1. Mô tả***

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐH Vinh [H5.05.03.01]. Đánh giá giữa kỳ của tất cả các học phần đều sử dụng nhiều loại phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau như bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm, bài tập theo dự án, viết báo cáo, tiểu luận và có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logic và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, một số học phần thi trắc nghiệm học phần. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, thi trắc nghiệm khách quan trên máy tính...được các Bộ môn phê duyệt và Trung tâm đảm bảo chất lượng của trường thẩm định trước khi đưa vào sử dụng [H5.05.03.02]. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập và bao quát nội dung học phần sau khi được bộ môn phê duyệt, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong đề cương học phần và bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. Bài thi tự luận của SV được chấm chi tiết theo đáp án. Quy trình chấm thi được chuẩn hóa (dồn túi, đánh

phách, rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Từ khi chuyển sang đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, Nhà trường đồng thời đưa vào sử dụng phần mềm quản lý điểm thành phần để GV chủ động nhập điểm. Điểm thành phần các học phần sẽ được công khai cho SV trước khi kết thúc học phần.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế khoa học, có sơ kết, tổng kết về hiệu quả sử dụng trong quá trình giảng dạy và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H5.05.03.03], đồng thời được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử Trường, Khoa tại [vinhuni.edu.vn](http://vinhuni.edu.vn).

## ***2. Điểm mạnh***

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.

## ***3. Điểm tồn tại***

Phương pháp kiểm tra đánh giá đối với số ít học phần chưa được tiến hành đổi mới thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2017-2018 ngành Ngôn ngữ Anh áp dụng đào tạo tiếp cận CDIO; đơn vị sẽ nghiên cứu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, đổi mới bộ đề thi và cách ra đề thi theo lộ trình giai đoạn 2 của chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị của phương pháp kiểm tra đánh giá của một số học phần.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 5.3: Đạt (mức 5/7)***

**Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.**

### ***1. Mô tả***

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được khoa Sư phạm Ngoại ngữ phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường Đại học Vinh [H5.05.04.01], theo đó các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến từng giảng viên bộ môn và người học để thực hiện và kiểm tra giám sát. Điểm đánh giá ý thực học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh

giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần. Người học nắm rõ quy trình kiểm tra đánh giá, quy định về phản hồi kết quả học tập và phúc khảo, khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập thông qua Cẩm nang sinh viên, tài khoản cá nhân của SV và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường tại vinhuni.edu.vn [H5.05.04.02]. Việc thông báo kết quả điểm kiểm tra giữa kỳ được GV tiến hành kịp thời, đồng thời có nhận xét đánh giá kết quả kiểm tra của SV để SV nhận diện được những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân đối với học phần qua đó lập kế hoạch cải tiến kết quả học tập. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điểm của SV theo tiêu chí đánh giá để SV nhận ra các điểm yếu cần cải thiện, hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điểm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá. Từ năm học 2017-2018, việc kiểm tra giữa kỳ được tiến hành theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính nên không có SV phản hồi về kết quả kiểm tra. Mỗi học kỳ, các Bộ môn có họp tổng kết, đánh giá công tác ra đề thi, chấm thi và thông báo kết quả thi cuối kì cho SV để có điều chỉnh, cải tiến cho kỳ học tiếp theo, đồng thời có kế hoạch tư vấn, giúp đỡ SV cải tiến kết quả học tập [H5.05.04.03].

Nhà trường, Khoa SP Ngoại ngữ tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ người học của GV. Khảo sát được tiến hành dưới dạng bảng hỏi qua Cổng thông tin trực tuyến của SV, mỗi năm học tiến hành 2 lần vào thời điểm trước khi SV đăng ký học cho học kỳ mới; kết quả phản hồi của SV về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn [H5.05.04.04].

## ***2. Điểm mạnh***

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, thông báo kết quả thi và quản lý kết quả học tập, quy định kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần của SV và được thông báo công khai đến từng sinh viên và giảng viên, đặc biệt là đội ngũ Trưởng bộ môn, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo và GV chủ



nhiệm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, kiểm tra và phản hồi kịp thời đến người học.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù kết quả học tập của SV được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải thiện kết quả học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018-2019, Khoa SP Ngoại ngữ đề xuất với Nhà Trường về việc công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm GMC hoặc LMS để SV tự đối chiếu với bài thi qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 5.4 : Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.**

#### **1. Mô tả**

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường Đại học Vinh hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa, gặp mặt sinh viên Khoa SP Ngoại ngữ, Cẩm nang sinh viên và trang thông tin điện tử vinhuni.edu.vn của Trường [H5.05.05.02], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Bộ phận Một cửa của Phòng Hành chính tổng hợp trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Bộ phận Một cửa sẽ chuyển đơn của SV đến Trung tâm ĐBCL xử lý. Sau khi nhận được đơn, cán bộ chuyên trách của Trung tâm ĐBCL cùng Trợ lý đào tạo của Khoa SP Ngoại ngữ và Tổ trưởng tổ chấm hoặc cán bộ chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc Giám đốc Trung tâm ĐBCL phải đề nghị một cán bộ thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối

cùng phải do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điềm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của học phần.

Về khiếu nại kết quả điềm kiểm tra giữa kỳ, GV đọc điềm cho từng SV trước lớp học dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể do đó việc SV không hài lòng với kết quả kiểm tra đánh giá là rất ít. Trong trường hợp SV chưa hài lòng với kết quả đánh giá thì GV sẽ lập luận, phân tích điềm của SV theo tiêu chí đánh giá để thuyết phục SV hoặc lấy ý kiến của tập thể lớp để làm cơ sở điều chỉnh điềm cho SV...đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong cách đánh giá. Từ năm học 2017-2018, việc kiểm tra giữa kỳ được tiến hành theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính nên chưa có SV phản hồi về kết quả kiểm tra. Đối với kết quả thi cuối kỳ, SV phản hồi bằng hình thức nạp đơn phúc khảo bài thi hàng năm giao động từ 5-7 SV và Khoa cùng Trung tâm ĐBCL có phản hồi thỏa đáng, kịp thời cho SV theo quy định. Theo thống kê hàng năm, hơn 90% SV ngành Ngôn ngữ Anh hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập. [H5.05.04.03].

Sau mỗi mỗi học kỳ, các Bộ môn có họp sơ kết, đánh giá công tác giảng dạy, ra đề thi, đánh giá kết quả học tập của người học để có điều chỉnh, cải tiến cho kỳ học tiếp theo. Đặc biệt, Ban chủ nhiệm khoa và Hội đồng KH&ĐT của khoa đã chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm các lớp tích cực hỗ trợ SV trong quy trình khiếu nại/phúc tra kết quả học tập, đồng thời lấy thông tin kiến phản hồi từ SV liên quan đến việc giảng dạy của GV và phương pháp kiểm tra đánh giá để kịp thời phản ánh đến các bộ môn nhằm xử lý cải tiến chất lượng [H5.05.05.04].

## **2. Điềm mạnh**

Người học được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. SV nắm rõ quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

## **3. Điềm tồn tại**

Vẫn còn tình trạng số ít người học chưa hài lòng về các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập qua nhiều công đoạn từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường, gây mất thời gian và công sức của người học.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Nhà trường đã có kế hoạch chỉ đạo rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học, đồng thời Ban chủ nhiệm Khoa SP Ngoại ngữ đã chỉ đạo Cố vấn học tập hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả.

***5. Tự đánh giá tiêu chí 5.5:*** Đạt (mức 5/7)

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 5**

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành Ngôn ngữ Anh, khoa SP Ngoại ngữ được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Vinh để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa SP Ngoại ngữ luôn tập trung sâu vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

**Đánh giá tiêu chuẩn 5:** Đạt (5/7)

## Tiêu chuẩn 6

### ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

#### *Mở đầu*

Đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ học được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với năng lực công tác và trình độ chuyên môn cao, đội ngũ giảng viên của Khoa tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Những thành tích, đóng góp về nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể, và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn được Khoa biểu dương và đánh giá cao, tạo động lực cho giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Tiêu chí 6.1: *Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### *1. Mô tả*

Công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thực hiện theo đúng quy trình, chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Định hướng phát triển công tác cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường [H6.06.01.01-02]. Cụ thể như sau:

Hiện nay, đội ngũ giảng viên trong Khoa được quy hoạch theo 5 bộ môn: Kỹ năng tiếng Anh, Lý thuyết tiếng Anh, Văn học - Dịch tiếng Anh, Phương pháp giảng dạy tiếng Anh và Ngoại ngữ chuyên ngành. Tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh có 49 giảng viên và 4 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu của Khoa là 40 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 10 (chiếm 18,86 %); số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 05 (9,4 %) [H6.06.01.04].

Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác đồng đảo các giảng viên kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường đại học, cao đẳng, đại sứ quán, viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước và nước ngoài. Tất cả giảng viên của Khoa đều có khả năng sử dụng ít nhất 01 ngoại ngữ khác trong giao tiếp như tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Pháp.

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của giảng viên và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.01.05]. Cụ thể như sau, trong giai đoạn 2013-2018, số lượng công việc của Khoa tăng lên nhiều vì số lượng tuyển sinh tăng lên đáng kể:

**Bảng 6.1. Thống kê số lượng tuyển sinh trong các năm 2013-2018**

Năm	Số lượng tuyển sinh của khoa	Riêng ngành NNA
2018	320	264
2017	378	250
2016	228	170
2015	315	239
2014	251	163
2013	188	104

Với nhu cầu đó, ngoài việc tuyển dụng cán bộ 3 cán bộ mới để bổ sung cho 3 cán bộ nghỉ hưu, có thêm 6 cán bộ mới được tuyển về để đáp ứng nhu cầu công việc. Tổng số giảng viên tuyển mới là 9 trong vòng 5 năm qua.

Khoa và Nhà trường có chiến lược ngắn hạn và dài hạn quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đạt chuẩn và cũng như có hình thức hỗ trợ phù hợp [H6.06.01.05].

Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho công tác đào tạo, trong thời gian 5 năm vừa qua, Khoa luôn thu hút và tuyển dụng giảng viên có trình độ về giảng dạy tại Khoa. Đội ngũ cán bộ trẻ được tuyển dụng mới luôn được Ban chủ nhiệm khoa và các giảng viên có kinh nghiệm ở các bộ môn quan tâm và đầu tư đặc biệt cho việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình [H6.06.01.06]. Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho từng cán bộ được giao cho các tổ bộ môn đảm nhận, các giảng viên trẻ trước khi đứng lớp đều được một giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Phần đầu

đến năm 2018, Khoa sẽ có thêm nhiều giảng viên đi học, bồi dưỡng thêm kiến thức để đạt trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước. Ngoài ra, CBGD khoa, đặc biệt là đội ngũ GV cơ hữu giảng dạy CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có Trường và Khoa luôn có số lượng đề tài NCKH, bài báo được đăng tải trên các tạp chí trong nước và quốc tế có xu hướng tăng hàng năm; Nhà trường và Khoa luôn có chính sách khen thưởng kịp thời để động viên CBGD tích cực NCKH và ứng dụng sản phẩm NCKH phục vụ công tác đào tạo [H6.06.01.07].

Việc bổ nhiệm Trưởng bộ môn, Phó trưởng Bộ môn theo nhiệm kỳ của Trưởng Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích nghiên cứu khoa học của cán bộ để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.08].

## ***2. Điểm mạnh***

Khoa đã xây dựng được kế hoạch về bồi dưỡng, phát triển công tác cán bộ phù hợp với yêu cầu công việc của Khoa và theo đúng quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu ... của Nhà trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## ***3. Điểm tồn tại***

Tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ trở lên còn thấp, tỷ lệ giảng viên nam/nữ còn mất cân đối.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Đến hết năm 2020, Khoa phấn đấu có thêm ít nhất 02 giảng viên đạt trình độ tiến sĩ và ưu tiên tuyển chọn ứng viên đầu vào là giảng viên nam (1GV/1 năm).

## ***5. Tự đánh giá: Đạt ( mức 5/7)***

***Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả***

Tổng số cán bộ tham gia công tác đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh hiện nay có 49 giảng viên và 4 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 40 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 10 (chiếm 18,86 %); số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 05 (9,43 %) [H6.06.02.01].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Ban chủ nhiệm Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Căn cứ để Ban Chủ nhiệm Khoa xây dựng lộ trình đào tạo, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu [H6.06.02.02]. Tỷ lệ giảng viên và học viên được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của giai đoạn 2013-2018**

Năm	Số lượng giảng viên	Số lượng sinh viên ngành NNA	Tỷ lệ (giảng viên/sinh viên)
2017-2018	49	264	1/ 5,38
2016-2017	49	250	1/ 5,1
2015-2016	49	170	1/ 3,46
2014-2015	48	239	1/ 4,97
2013-2014	50	163	1/3,26

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ hàng năm cũng mời thêm giảng viên nước ngoài từ Hoa Kỳ, Canada, Phần Lan; mời GV từ những trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội và một số trường trong tỉnh cùng hợp tác giảng dạy.

Cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua *Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ, v.v...* [H6 06.02.03]. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo Bộ môn, lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua, đồng thời hàng năm Khoa SP Ngoại ngữ tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH cho năm học tiếp theo [H6 06.02.04]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của GV nhằm giúp GV khoa đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề có giải pháp tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cải tiến chất lượng đào tạo [H6 06.02.05].

Bên cạnh việc giảng dạy và NCKH, giảng viên của Khoa còn tham gia đóng góp các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những hoạt động này được Nhà trường quy định vào mục “các hoạt động chuyên môn khác” của quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.05]. Hoạt động chuyên môn khác này được xác định như những hoạt động Đoàn - thể, tham gia dự giờ, hội nghị ... Dựa vào số giờ các hoạt động này, Trường và Khoa đánh giá mức độ đóng góp của giảng viên vào các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những giảng viên nào không đáp ứng đủ 90 tiết/giảng viên theo quy định, được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ. Tùy thuộc vào tính chất của công việc đảm nhận mà Công đoàn Trường và Nhà Trường có những quy định khen thưởng cụ thể cho những cá nhân có nhiều đóng góp. Cụ thể số liệu thống kê được trình bày chi tiết ở trong các bảng thống kê hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác [H6.06.02.03]

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên của Khoa càng ngày càng đạt trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nhiều hơn trong nghề.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đảm bảo hợp lý **khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên**.

Việc đánh giá, đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện bài bản theo quy trình logic chặt chẽ với phương thức đánh giá khả thi, thực chất để làm cơ sở cho GV và khoa đào tạo cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH hàng năm.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù, tỷ lệ GV/SV ngành Ngôn ngữ Anh đủ và đảm bảo khối lượng hợp lý, dung quy định, tuy nhiên, do đặc thù giảng dạy ngoại ngữ luôn cần tiếp cận cái mới, luôn phải nâng cao trình độ, số lượng giảng viên học lên bậc tiến sĩ còn hạn chế.

Đội ngũ giảng viên nước ngoài, thỉnh giảng đến từ các tổ chức và các trường khác còn chưa nhiều, do vậy phần nào hạn chế việc trao đổi kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018 đến 2020, Khoa đề nghị Nhà trường cho phép Khoa tuyển thêm 01 giảng viên/1 năm để bổ sung đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa.

Khoa sẽ tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia nước ngoài từ các tổ chức, các trường trong và ngoài nước tham gia giảng dạy.

## **5. Tự đánh giá: Đạt ( mức 5/7)**



**Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### **1. Mô tả**

Việc tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực hoạt thuật) của Khoa được thực hiện theo yêu cầu công việc của Khoa, dựa trên các tiêu chí theo quy định của Nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân rõ ràng. Tuy nhiên, vì tính chất của ngành Ngoại ngữ, và cũng theo quy chuẩn của Đề án 2020, giảng viên dạy tiếng Anh tại các trường Đại học phải đạt trình độ C1 (tương đương IELTS 7.0) trở lên, các tiêu chí tuyển dụng của Khoa đã được bổ sung thêm là các giảng viên tuyển mới cần có chứng chỉ IELTS 6.5 và sau một năm tập sự phải đạt được C1 (hoặc IELTS 7.0). Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.03.02]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Nhà trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ phù hợp với xu thế phát triển chung. [H6.06.03.02].

Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

**Bảng 6.3. Số lượng các bộ giảng dạy tuyển dụng trong các năm học 2013-2018**

<b>Năm học</b>	<b>Giảng viên</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Tốt nghiệp loại</b>	<b>Chứng chỉ IELTS</b>
2017-2018	1. Lê Hữu Thành Trung 2. Lê Diệu Linh	Đại học	Khá	6.5
2016-2017	Không tuyển mới			
2015-2016	1. Dương Đức Ánh 2. Nguyễn Thị Vân Anh	Đại học	Khá Giỏi	6.5
2014-2015	1. Trần Thị Thu Trang 2. Nguyễn Thị Tô Hằng 3. Đinh Thị Mai Anh	Đại học	Khá Khá Khá	6.5
2013-2014	1. Lê Minh Tân 2. Lê Thị Thanh Bình	Đại học	Khá Khá	6.5

Quy trình tuyển dụng giảng viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng, tổ chức thi giảng, thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng của Trường. Sau khi trúng tuyển và có quyết định tuyển dụng, các giảng viên mới được tuyển đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại Bộ môn và dự giờ các cán bộ giảng dạy khác trước khi được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, Nhà trường và Ban Chủ nhiệm khoa cử một giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi giảng viên mới được tuyển dụng [H6.06.03.02].

Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý giữa Khoa và Nhà trường [H6.06.03.03].

## ***2. Điểm mạnh***

Công tác cán bộ của Khoa được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, giảng viên rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ giảng viên của Khoa có các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm.

## ***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nam và có trình độ tiến sĩ trở lên nộp hồ sơ ứng tuyển chưa nhiều.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Khoa kiến nghị với Nhà trường đa dạng hơn các hình thức thông báo tuyển dụng để các ứng viên có thể tiếp cận được nhiều hơn: thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới liên hệ với cựu SV.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)***

## **Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.**

### **1. Mô tả**

Các ứng viên được tuyển làm giảng viên của Trường Đại học Vinh nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học cũng như nghiệp vụ sư phạm. Sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức. Cụ thể là 100% giảng viên của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ công nghệ thông tin đạt chuẩn của Bộ quy định. Riêng đối với chuẩn ngoại ngữ, 100% giảng viên đạt chuẩn C1 (IELTS 7.0) trở lên, còn chuẩn ngoại ngữ 2 là B1 tiếng Pháp.

Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có nhiều công trình chất lượng. 100% cán bộ giảng dạy tham gia tổ chức seminar bộ môn. Hằng năm, 30% số lượng giảng viên đăng kí tham dự các hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước. Tuy nhiên số lượng ấn phẩm, bài báo công bố chưa nhiều và phân bố không đều giữa các giảng viên. Về cơ bản, trình độ chuyên môn của giảng viên luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc [H6.06.04.01].

Nhà trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên. Trên cơ sở đó, vào cuối mỗi năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng cán bộ giảng viên theo các mức: không hoàn thành nhiệm vụ đối với giảng viên chỉ đạt 60 trở xuống, hoàn thành nhiệm vụ là từ 60-69, lao động tiên tiến là 70- 89 và chiến sĩ thi đua là 90-100. Sau khi lấy phiếu bình chọn của các tổ, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định [H6.06.04.02].

Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai một cách đa dạng, giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận những thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa [H6.06.04.02]. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng cán bộ là cơ sở giúp lãnh đạo Khoa xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp [H6.06.04.03].

### **2. Điểm mạnh**

Giảng viên của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao.

Các giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa luôn tích cực tham gia tất cả các đợt tập huấn trong nước về PPDG, kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT theo chương trình Đề án Ngoại ngữ 2020.

Nhiều giảng viên của Khoa có trình độ tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung rất tốt.

### **3. Điểm tồn tại**

Khoa vẫn còn thiếu về số lượng giảng viên có trình độ cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa kết hợp với Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

#### **1. Mô tả**

Chiến lược phát triển đội ngũ của Khoa được xác định rõ trong phương hướng nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ Trường khoa. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thông qua báo cáo đánh giá hàng năm, khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và theo giai đoạn [H6.06.05.01]. Mỗi năm, khoa trong bảng kế hoạch đào tạo cán bộ, tất cả các cán bộ mới được tuyển dụng đi học Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ; cử các cán bộ lâu năm đi học Tiến sĩ đúng chuyên ngành. Kế hoạch này được triển khai nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ giảng viên Tiến sĩ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Số lượng cán bộ được cử đi học cụ thể trong giai đoạn 2013-2018 được trình bày trong bảng sau (xem chi tiết tại [H.6.06.05.03]):

**Bảng 6.4. Thống kê số lượng giảng viên đi học dài hạn giai đoạn 2013-2018**

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng đi học Thạc sĩ</b>	<b>Số lượng đi học Tiến sĩ</b>	<b>Nơi học tập</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
2017-2018	3		Nước ngoài	Bộ GDĐT
2016-2017	2		Nước ngoài	Bộ GDĐT
2015-2016	0	2	Nước ngoài	Bộ GDĐT
2014-2015	2	2	01 Trong nước 01 Nước ngoài	Trường ĐHV Trường Monash (Úc)
2013-2014	2	1	Trong nước	Trường

Cho đến nay 05 giảng viên có học vị thạc sĩ của Khoa đang là nghiên cứu sinh (03 nghiên cứu sinh học ở nước ngoài và 2 nghiên cứu sinh trong nước), trong đó, 01 nghiên cứu sinh ở nước ngoài đã nhận bằng tiến sĩ vào tháng 05/2018 hiện đang nghiên cứu sau tiến sĩ, và 01 nghiên cứu sinh trong nước đã bảo vệ luận án cấp đại học. Như vậy, đến cuối năm 2018, Khoa sẽ có thêm ít nhất 02 tiến sĩ.

Đội ngũ giảng viên của Khoa luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn. Trong thời gian qua, những hoạt động đào tạo đã được Nhà trường triển khai và thu hút sự tham gia đông đảo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa tham gia như: hội thảo khoa học, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn phục vụ công tác giảng dạy. Hàng năm, Khoa đều cử các cán bộ tham gia các Hội thảo chuyên môn trong và ngoài nước. Ngoài các Hội thảo chuyên ngành được tổ chức ở Hà Nội, Thái Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa đã cử 3 cán bộ tham gia Hội thảo tại Indonesia (2017), Thái Lan (2017), Cambodia (2017), Singapore (2018), Mỹ (2017,2018). Khoa cũng đã tổ chức được Hội thảo quốc tế vào tháng 9/2018 với sự tham gia của toàn thể cán bộ giảng dạy trong Khoa và nhiều trường Đại học khác trong nước. Ngoài ra, trong 5 năm qua, theo nhu cầu đào tạo giáo viên để đạt chuẩn quốc gia cũng như chuẩn chuyên môn của chuyên ngành, tất cả các cán bộ của Khoa đã tham gia khoa đào tạo ngắn hạn do Cengage tổ chức về Công nghệ thông tin và kiểm tra đánh giá. Năm 2016-2017, 15 cán bộ đã tham gia đào tạo ngắn hạn về giám khảo chấm Nói- Viết của VSTEP 3-5, và 15 cán bộ tham gia khóa tập huấn ra đề VTSEP 3-5. Những khóa học ngắn hạn do Đề án 2020 tổ chức thường xuyên với sự tham gia của 2-4 giảng viên trong khoa. Sau mỗi khóa học, các giảng viên đều được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học hoặc chứng nhận đã đạt trình độ cho khoa học đó.

Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa luôn bám sát Quy chế về công tác cán bộ [H6.06.05.02] của Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa lập danh sách cán bộ cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.05.03].

## **2. Điểm mạnh**

Giảng viên, nghiên cứu viên có nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn cao. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...)

### **3. Điểm tồn tại**

Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của giảng viên, nghiên cứu viên đưa ra còn chưa được triển khai.

### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa và Nhà Trường thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cũng như có kế hoạch cụ thể để triển khai các khóa học này.

Khoa và Nhà Trường tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực.

### **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

#### **1. Mô tả**

Với từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Hàng năm Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.01]. Cụ thể như sau: vào cuối mỗi năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng cán bộ giảng viên theo các mức: không hoàn thành nhiệm vụ đối với giảng viên chỉ đạt 60 trở xuống, hoàn thành nhiệm vụ là từ 60-69, lao động tiên tiến là 70- 89 và chiến sĩ thi đua là 90-100. Sau khi lấy phiếu bình chọn của các tổ, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định [minh chứng quyết định thi đua khen thưởng]. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà Trường. Quyết định của Hội đồng thi đua - khen của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong toàn Khoa. Theo đó, Nhà trường có quy định rất cụ thể về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các giảng viên theo chức danh. Cụ thể là, trong 1 năm học, ngoài việc giảng viên phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, giảng viên còn phải có các công trình

nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác. Theo quy định của Nhà trường, mỗi Khoa sẽ có 15% số cán bộ đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua trên tổng số cán bộ đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Như vậy, hàng năm Khoa đều có 6-7 cán bộ giảng dạy đạt danh hiệu “chiến sĩ thi đua”, chiếm 12 % trên tổng số cán bộ cơ hữu. Số giáo viên còn lại đạt danh hiệu “lao động tiên tiến”, còn những giáo viên đi học nước ngoài đạt danh hiệu “hoàn thành nhiệm vụ”. Những giảng viên hoàn thành tốt công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng như hỗ trợ, tư vấn cho các câu lạc bộ tiếng Anh cho học sinh và sinh viên Trường như English Speaking Zone, ELAC, lớp tiếng Anh ACCESS, các cuộc thi tiếng Anh English Drama Contest và English Speaking Contest, các câu lạc bộ và các cuộc thi tiếng Anh cho học sinh các cấp trên địa bàn Tỉnh Nghệ An, v.v... luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp. Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua - khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Thêm vào đó, Nhà trường có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 3.000.000 đ đến 10.000.000 đ/công trình. Từ năm 2013 trở lại đây, đã có một số cán bộ của Ngành được khen thưởng vì có bài báo đăng ở tạp chí uy tín trên thế giới. [H6.06.06.03]. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H6.06.06.04].

Hàng năm, Khoa tiến hành việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân. Hoạt động này đã giúp giảng viên của Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm, từ năm 2016, Lãnh đạo Khoa và Nhà trường sẽ tổ chức họp bình xét đánh giá kết quả xếp loại lao động (A, B, C) hàng tháng và hàng năm đối với cán bộ viên chức. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Thu nhập tăng thêm hàng năm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học [H6.06.06.05]. Ngoài ra, Khoa có những quy định khen thưởng cho những cá nhân có những ấn phẩm khoa học nổi bật từ 500.000- 1.000.000 VND.

Những hình thức khen thưởng này nhằm khích lệ, động viên các giảng viên tăng cường nghiên cứu, bổ sung vào điểm mạnh của Khoa về nghiên cứu khoa học. Những ấn phẩm khoa học đã tăng lên đáng kể trong các năm học trong giai đoạn 2013-2018.

## ***2. Điểm mạnh***

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định và triển khai đúng quy trình, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa.

Phần lớn giảng viên Ngành ngôn ngữ Anh đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học. Hàng năm có 6 đến 7 giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các giảng viên cùng bộ môn và với các giảng viên của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Ngoài ra, số lượng các sản phẩm nghiên cứu chưa đồng đều giữa các giảng viên (một số giảng viên có nhiều công trình, nhưng vẫn còn một số cán bộ chưa đủ điểm nghiên cứu khoa học).

## ***4. Kế hoạch hành động***

Trong những năm học tới, Ngành sẽ chia nhóm nghiên cứu để cùng làm việc và cho ra các sản phẩm có chất lượng, mang tính khoa học và thực tiễn cao. Việc phân nhóm nghiên cứu cũng giúp cho việc hỗ trợ nghiên cứu của giảng viên trong ngành được tăng cường.

Khoa và Trường có hình thức khen thưởng vào cuối năm học đối với các giảng viên có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các giảng viên, đồng thời dựa vào kết quả NCKH của giảng viên để xếp loại giảng viên cuối năm.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt ( mức 5/7)***



**Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả**

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế, NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên của Ngành. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch đầu năm, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. [H6.06.07.01].

Kết thúc năm học, Ngành, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác [H6.06.07.02]. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa, Nhà trường. Các công bố khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ. Từ năm 2013 đến nay, mỗi năm cán bộ Khoa đều có một số bài báo đăng ở tạp chí uy tín trên thế giới [H6.06.07.03]. Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính theo hệ số lương như trong bảng sau:

**Bảng 6.5. Số giờ NCKH của giảng viên**  
(trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113)

<b>Giảng viên có hệ số lương</b>	<b>Định mức giờ NCKH</b>
$\geq 6.2$	315
$\geq 5.76$	260
$\geq 4.40$	220
$\geq 4.32$	200
$\geq 3.33$	175
$\geq 2.34$	165

Dựa vào quy định trên, giờ NCKH của toàn Khoa đã hoàn thành cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 6.6. Bảng đối sánh giờ NCKH của cán bộ giai đoạn 2013-2018**

Năm học	Tổng giờ NCKH quy định	Tổng giờ NCKH đã hoàn thành	Còn thiếu
2017-2018	10.200	10.128	72
2016-2017	10.020	9920	100
2015-2016	10.200	10.300	0
2014-2015	10.020	9935	85
2013-2014	10.365	10.276	89

Mặc khác, CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh là chuyên ngành mang tính thực nghiệm và ứng dụng cao, do đó cán bộ giảng viên Khoa có phong trào nghiên cứu khoa học cấp Trường khá mạnh. Số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành cao. Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên trong 5 năm học vừa qua được thông kê trong Bảng 6.7 dưới đây:

**Bảng 6.7: Hình thức và số lượng ấn phẩm có uy tín trong và ngoài nước**

Năm học	Hình thức xuất bản			Hội thảo
	Cấp quốc gia	Cấp quốc tế	Sách/ đề tài	
2013-2014	8	2	6	2
2014-2015	20	6	6	1
2015-2016	13	15	3	0
2016-2017	9	5	2	0
2017-2018	6	3	7	1
<b>Tổng</b>	<b>53</b>	<b>35</b>	<b>20</b>	<b>4</b>

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ, cấp ngành. Bên cạnh đó, các giảng viên còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí quốc tế cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn rất hạn chế.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú. Các sản phẩm khoa học còn chưa phân bổ đồng đều, một số cán bộ nhiều tuổi và mới về vẫn chưa có những bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Hội đồng KHĐT của khoa tập trung chỉ đạo việc hình thành các nhóm nghiên cứu trong các Bộ môn, mở rộng nhóm nghiên cứu ra ngoài Trường và tổ chức hội thảo chuyên ngành, đồng thời tổ chức rà soát, bổ sung kế hoạch nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân nghiên cứu, ra ấn phẩm khoa học.

#### ***5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)***

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Đội ngũ giảng viên trong Ngành có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ sinh viên. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ giảng viên của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều giảng viên được khen thưởng về thành tích NCKH.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

##### **Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: Đạt (mức 4/7)**

## **Tiêu chuẩn 7**

### **ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

#### **Mở đầu**

Trường có quy định chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên. Do đó, đội ngũ nhân viên của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

**Tiêu chí: 7.1: *Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Ngoài đội ngũ giảng viên trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học thì đội ngũ nhân viên hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa. Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa SP Ngoại ngữ cũng đã ban hành quy chế hoạt động ứng với từng vị trí công việc của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.02].

Bên cạnh đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện Nhà trường, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, vv.., Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có 04 cán bộ hỗ trợ bao gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng; 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV; 01 chuyên viên - hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng lab, 01 chuyên viên - hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng lab kiêm hỗ trợ công tác hồ sơ tài chính và quản lý quỹ. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ cử nhân trở lên, trong đó 03 cán bộ có trình độ cử nhân và 01 cán bộ có trình độ thạc sỹ [H7.07.01.03].

Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Nơi đào tạo	Thâm niên công tác	Chứng chỉ ngoại ngữ	Chứng chỉ tin học	Chức năng nhiệm vụ
Nguyễn Thị Lan Hương	1976	Nữ	Cử nhân	Trường Đại học Vinh	11 năm	Cử nhân Tiếng Anh	Tin học văn phòng	Chuyên viên văn phòng
Phan Thị Đào Quyên	1991	Nữ	Cử nhân	Trường Đại học Vinh	02 năm	Tiếng Anh B	Chứng chỉ B	Trợ lý quản lý sinh viên
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1985	Nữ	Cử nhân	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	08 năm	Cử nhân Tiếng Nga	Tin học văn phòng	Chuyên viên
Lê Hùng Việt	1986	Nam	Thạc sĩ	Học viện Kỹ thuật Quân sự	04 năm	Tiếng Anh B	Thạc sỹ công nghệ thông tin	Chuyên viên

Ngoài ra, Khoa còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 02 cố vấn học tập, 01 cán bộ trợ lý đào tạo hệ chính quy, 01 cán bộ trợ lý đào tạo hệ vừa học vừa làm.

Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Nơi đào tạo	Thâm niên công tác	Chứng chỉ ngoại ngữ	Chứng chỉ tin học	Chức năng nhiệm vụ
Trần Giang Nam	1974	Nam	Thạc sỹ	Đại học Ngoại ngữ Huế	18 năm	Cử nhân Tiếng Anh	Tin học văn phòng	Trợ lý đào tạo hệ chính quy
Thái Anh Tuấn	1974	Nam	Thạc sỹ	Trường Đại học Ngoại ngữ Huế	18 năm	Cử nhân tiếng Anh	Tin học cơ bản	Trợ lý đào tạo hệ vừa học vừa làm
Lê Thái Bình	1976	Nam	Thạc sỹ	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà nội	16 năm	Cử nhân Tiếng Trung	Tin học cơ bản	Cố vấn học tập
Nguyễn Thị Tô Hằng	1988	Nữ	Thạc sỹ	Đại học Ngoại ngữ Đại học quốc gia Hà nội	04 năm	Tiếng Pháp B1	Tin học cơ bản	Cố vấn học tập

Các giảng viên tham gia kiêm nhiệm đều được hỗ trợ giảm số giờ giảng dạy hàng năm theo quy định (cố vấn học tập giảm 10%, trợ lý đào tạo giảm 15%) nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và công tác kiêm nhiệm. Vì vậy, các giảng viên kiêm nhiệm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu của mình (đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến trong 5 năm liền). Ngoài ra, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư.

Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường [H7 07.01.04].

## ***2. Điểm mạnh***

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

Khoa cũng có những kiến nghị với Nhà trường để tăng cường đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt là nhân viên hỗ trợ kỹ thuật phòng Lab.

## ***3. Điểm tồn tại***

Việc thực hiện khảo sát đánh giá phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện hiệu quả.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm học 2018-2019 Khoa SP Ngoại ngữ tiến hành khảo sát phản hồi các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt ( mức 5/7)***

**Tiêu chí: 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.**

### ***1. Mô tả***

Trong các chính sách về nhân sự nói chung, chính sách về tiêu chuẩn, quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân viên hỗ trợ được Trường quy định cụ thể trong Quy chế về công tác cán bộ [H7.07.02.01]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù

hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm 5 bước: Xác định nhu cầu, tiêu chuẩn và thông báo tuyển dụng; tiếp nhận, sơ tuyển hồ sơ, tiếp xúc, hướng dẫn ứng viên; tổ chức thi; xét duyệt kết quả và công bố kết quả thi tuyển; ký kết hợp đồng làm việc. [H7.07.02.02]

Đối với việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính hỗ trợ là bắt buộc thường xuyên, áp dụng với tất cả các cán bộ, viên chức của Nhà trường. Định kỳ mỗi năm 1 lần Nhà trường luân chuyển đổi với những cán bộ có thời gian đảm nhận vị trí công tác liên tục từ 60 tháng trở lên. [H7.07.02.03]

Các thông tin tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên trang thông tin điện tử eoffice và ioffice của Nhà trường và trên cổng thông tin vinhuni.edu.vn của Nhà trường [H7.07.02.03].

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường đối với Khoa. Khoa đã ban hành quy chế làm việc mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế tổ chức và hoạt động Khoa Sư phạm Ngoại ngữ [H7.07.03.01].

## ***2. Điểm mạnh***

Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành Ngôn ngữ Anh.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm, đồng thời luôn tuân thủ quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Nhà trường.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)***

### **Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá**

#### **1. Mô tả**

Nhà trường có Quy định đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm cụ thể, trong đó có quy định rõ ràng về năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.01]. Đội ngũ chuyên viên thuộc các phòng ban chức năng của Nhà trường và chuyên viên hỗ trợ của Khoa được tuyển dụng dựa theo nhu cầu công việc và các tiêu chí được xác định cụ thể [H7.07.03.02]. Năng lực của đội ngũ nhân viên do vậy được đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực công việc cụ thể [H7.07.03.03]. Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư, thủ thư, công tác đào tạo ...

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới cho các cán bộ hỗ trợ. Hàng năm đều có phiếu chấm điểm thi đua cá nhân năm học dành cho khối cán bộ hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, Thực hiện nhiệm vụ, Tổ chức kỷ luật, Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*:

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí thi đua</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Cá nhân tự chấm</b>	<b>Đơn vị chấm</b>
1	Tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống	5		
2	Thực hiện nhiệm vụ <i>2.1 Công tác được giao</i> <i>2.2 Các sáng kiến, cải tiến và phương pháp làm việc</i>	60 50 10		
3	Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết.	15		
4	Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ	20		

Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Các cán bộ hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Sự khen thưởng này là những ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với các thành tích, đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.04].



## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ chuyên viên hỗ trợ có kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Khoa và Nhà trường. Hầu hết các chuyên viên đều có thâm niên công tác trên 10 năm.

Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho cán bộ hỗ trợ, cử chuyên viên hỗ trợ tham gia các đợt tập huấn chuyên môn do Nhà trường tổ chức.

Đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có kinh nghiệm trong giảng dạy cũng như trong quản lý.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hoạt động hỗ trợ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ chưa hấp dẫn và thỏa mãn nhu cầu của các cán bộ.

Giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác trợ lý chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy mỗi kỳ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018-2019, Khoa tập trung chỉ đạo việc khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên và tạo điều kiện tối đa về mặt thời gian cho cán bộ kiêm nhiệm, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.**

### **1. Mô tả**

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có đội ngũ cán bộ hỗ trợ các hoạt động đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh có năng lực và trình độ chuyên môn, nhiệt tình để hoàn thành công việc. Đội ngũ nhân viên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học [H7.07.04.01].

Từ năm 2017, Khoa đã có khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên và đề xuất với Nhà trường để triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng những nhu cầu đó [H7.07.04.02]. Năm 2017, 02 nhân viên của Khoa đã tham gia bồi dưỡng khoá tập huấn 2 tuần về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường

đã tổ chức. Năm 2018, 01 nhân viên có nhu cầu tham gia đào tạo dài hạn để nâng cao trình độ, và đã được Nhà trường phê duyệt tham dự thi tuyển sinh vào khoá học thạc sỹ. Theo khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, Khoa đề xuất với Trường năm 2019 cử 02 nhân viên tham gia bồi dưỡng tiếng Anh. [H7.07.04.03]

## **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên theo để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2018-2019, Khoa tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ, đồng thời chỉ đạo cán bộ tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### **1. Mô tả:**

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét danh hiệu Lao động tiên tiến. [H7.07.05.01].

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>NĂM HỌC</b>	<b>DANH HIỆU THI ĐUA</b>
1	Nguyễn Thị Đạm	2013-2014 2014-2015 2015-2016	Lao động tiên tiến
2	Nguyễn Thị Lan Hương	2016-2017 2017-2018	Lao động tiên tiến
3	Lê Thị Phương Mai	2013-2014 2014-2015 2015-2016	Lao động tiên tiến
4	Văn Thị Phương	2016-2017 2017-2018	Lao động tiên tiến
5	Phan Thị Đào Quyên	2017-2018	Hoàn thành nhiệm vụ
6	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Lao động tiên tiến
7	Lê Hùng Việt	2015-2016 2016-2017 2017-2018	Lao động tiên tiến

Khoa có xét khen thưởng kịp thời sau một số các hoạt động cụ thể để tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc mặc dù chưa có qui định cụ thể cơ chế khen thưởng trong Quy chế hoạt động của Khoa [H7.07.05.01].

## ***2. Điểm mạnh***

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, các đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những chính sách của Khoa và Nhà trường đề ra.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa chưa ban hành quy định cụ thể để theo dõi, giám sát và chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc phù hợp với tình hình thực tế của Khoa và ngành đào tạo Ngôn ngữ Anh.

Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên không thực hiện thường xuyên. Từ năm học 2015-2016 việc đánh giá cán bộ, viên chức mới được thực hiện hàng tháng theo yêu cầu của Nhà trường.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm 2019, Khoa SPNN sẽ xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.

## ***5. Tự đánh giá: Đạt ( mức 5/7)***

### **Kết luận của tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt huyết, do vậy, công việc luôn được triển khai và hoàn thành tốt. Ngoài ra, Ngành luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học theo hướng nghiên cứu của Nhà trường.

**Đánh giá tiêu chuẩn 7: Đạt (mức 5/7)**

## Tiêu chuẩn 8

### NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

#### *Mở đầu*

Giai đoạn 2013-2017, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển sinh công khai; hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy-học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

**Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.**

#### *1. Mô tả*

Ngành Ngôn ngữ Anh - Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tuyển sinh đầu vào đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT cũng quy chế tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được xác định rõ ràng, công khai minh bạch trong Thông báo tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường và trên Website [vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh](http://vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh). Năm 2016, chính sách tuyển sinh của ngành Ngôn ngữ Anh được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo từng khối (khối A1, D) sang hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT. Năm 2017, Trường Đại học Vinh áp dụng tuyển sinh theo 2 phương án: xét tuyển dựa kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và xét tuyển theo hồ sơ học bạ THPT (thí sinh có điểm trung bình trung 5.5 điểm/môn đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển, điểm xét tuyển học bạ 3 môn gồm Văn, Toán và tiếng Anh trong 3 năm THPT) [H8.08.01.02]. Các đối tượng ưu tiên được Trường Đại học Vinh tuyển thẳng theo Quy định của Bộ GD&ĐT qua các năm, gồm sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT, thí sinh là học sinh của các trường THPT chuyên, thí sinh thuộc diện khuyết tật và thí sinh là người nước ngoài.

Hàng năm, Ban truyền thông trường, khoa đều có kế hoạch quảng bá, tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT các từ Ninh Bình đến Quảng Trị. Ngoài ra, phương án

tuyển sinh được cập nhật thường xuyên và công bố rộng rãi trên Cổng Thông tin tuyển sinh của Website Nhà trường (vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh) và qua đường dây nóng tuyển sinh [H8.08.01.03].

Kết quả thi, xét tuyển được thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình và đúng tỉ lệ [H8.08.01.04]. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá để điều chỉnh cho những năm tiếp theo [H8.08.01.05].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, khoa SP Ngoại ngữ đã có số lượng thí sinh được tuyển, điểm tuyển và số lượng SV nhập học được thể hiện ở bảng 8.1; số người học đang học CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện ở bảng 8.2. Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2013 đến 2017 cơ bản vẫn giữ nguyên 20 điểm trừ năm 2015, tuy nhiên số lượng nộp đơn dự tuyển, số lượng trúng tuyển và số lượng sinh viên nhập học đều tăng lên đáng kể. Năm 2013 chỉ có 135 đơn dự tuyển, trong đó có 117 thí sinh trúng tuyển và 106 SV nhập học nhưng đến năm 2017 số lượng đã tăng gấp đôi với 296 đơn dự tuyển, 289 thí sinh trúng tuyển và 248 SV nhập học; điểm trung bình của thí sinh trúng tuyển trong vòng 5 năm qua dao động từ 21.75 đến 23.50 điểm. Xu hướng này cho thấy ngành Ngôn ngữ Anh ngày càng được xã hội và người học quan tâm, chất lượng đào tạo và chất lượng đầu vào của ngành ngày càng được nâng cao.

**Bảng 8.1: Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất**

*(từ năm 2013 đến 2017)*

Năm học	Ứng viên				
	Số lượng nộp đơn dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Điểm chuẩn	Điểm trung bình của TS trúng tuyển
2017-2018	296	289	248	20.00	22.25
2016-2017	272	254	182	20.00	22.00
2015-2016	281	264	241	22.00	23.50
2014-2015	214	201	198	20.00	21.75
2013-2014	135	117	106	20.00	22.50

**Bảng 8.2: Thống kê số người học đang học CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh**  
(trong 5 năm học gần nhất)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2017-2018	229	151	202	137		719
2016-2017	151	217	137	90		595
2015-2016	234	141	90	111		576
2014-2015	145	93	113	109		460
2013-2014	97	114	109	88		408

## **2. Điểm mạnh**

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường, khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

## **4. Kế hoạch hành động**

Hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh được tiếp tục tiến hành hàng năm để đảm bảo chất lượng công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề xuất với Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường, Khoa từ năm học 2018-2019.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.**

### **1. Mô tả**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng trong Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Theo đó,

từ năm 2015 trở về trước, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh được tiến hành theo đúng quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT với 2 khối thi: Khối D (Văn, Toán và Anh văn) và khối A1 (Toán, Anh văn và Vật Lý); thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi chung do Bộ GD&ĐT quy định [H8.08.02.01-02] có điểm thi 3 môn theo 1 trong 2 khối trên theo điểm sàn quy định. Năm 2016, công tác tuyển sinh khoa thực hiện theo quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT và phương án tuyển sinh của Nhà trường chuyển từ tuyển sinh theo hình thức ba chung của Bộ GD&ĐT sang hình thức tuyển sinh xét tuyển theo kết quả thi kỳ thi THPT Quốc gia. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + điểm môn Anh văn x 2 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Việc xét tuyển dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu. Sự thay đổi quy chế tuyển sinh có sự ảnh hưởng không nhỏ tới số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học do thí sinh đăng ký xét tuyển nguyện vọng ở nhiều trường khác nhau. Cụ thể, năm 2016, trong số 254 thí sinh trúng tuyển ngành ngôn ngữ Anh chỉ có 182 SV nhập học, giảm  $\frac{1}{4}$  so với năm 2015. Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Nhà trường đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm, đồng thời có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về tiêu chí, phương pháp tuyển chọn đầu vào [H8.08.02.03]. Năm 2017, ngoài phương án xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia, Nhà trường thực hiện xét học bạ THPT (3 năm) đối với 3 môn Văn, Toán và tiếng Anh; thí sinh có điểm trung bình trung 5.5 điểm/môn đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển. Năm 2018, thí sinh đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển học bạ của năm lớp 12 với tổng điểm theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển (Văn, Toán, tiếng Anh) lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Việc áp dụng phương thức tuyển sinh mới và kết hợp với chiến lược quảng bá tuyển sinh, đổi mới CTĐT đã làm tăng số lượng thí theo học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2017.

## ***2. Điểm mạnh***

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường, khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành Ngôn ngữ Anh.

## ***3. Điểm tồn tại***

Từ năm học 2016-2017, chất lượng đầu vào của một số thí sinh thuộc diện xét tuyển theo học bạ thấp hơn so với thí sinh được xét tuyển theo điểm thi, dẫn đến tình



trạng số ít SV gặp khó khăn trong việc theo học CTĐT của ngành, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo theo tiếp cận CDIO.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Đề xuất với Nhà trường đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Anh một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thi sinh trúng tuyển nhập học trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời phương án tuyển chọn thí sinh.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.**

##### **1. Mô tả**

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập được ghi cụ thể, chi tiết trong quy chế đào tạo đại học và quy định CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của Nhà trường [H8.08.03.01]. Trường, Khoa có Quyết định cử Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập và GV chủ nhiệm các lớp, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận/cán bộ trên trong công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ [H8.08.03.02], theo đó công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV và cảnh báo học vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục bởi Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm lớp và Quản lý sinh viên khoa. Trợ lý đào tạo và Cố vấn học tập đồng chịu trách nhiệm giám sát khối lượng học tập của SV. Ngoài ra, Nhà trường và khoa SP Ngoại ngữ giao quyền chủ động và tự chịu trách nhiệm đối với công tác giám sát sự tiến bộ và kết quả học tập của SV ngành Ngôn ngữ Anh cho các Bộ môn.

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban chủ nhiệm khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên và Liên chi đoàn khoa, đồng thời khoa thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học [H8.08.03.03]. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong Cẩm nang sinh viên [H8.08.03.04] nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn, theo đó số lượng tín chỉ tối thiểu đối với các kỳ học chính là 15 TC và tối đa là 30 TC, đối với học kỳ phụ (học kỳ mùa hè) tối đa là 10

TC. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, Khoa cho phép SV đăng ký môn học thay thế để đảm bảo SV tốt nghiệp đúng hạn. Khoa có cơ chế phản hồi kết quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin SV tại student.vinhuni.edu.vn, thư gửi kết quả kết quả học tập, rèn luyện của SV cho phụ huynh [H8.08.03.05]. Trường, khoa có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CMC) và phần mềm quản lý người học (LMS) [H8.08.03.06].

## ***2. Điểm mạnh***

Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và hỗ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp cũng như tốt nghiệp đúng hạn.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp giảng viên, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học.

## ***3. Điểm tồn tại***

Sự phân bổ nhiều môn học thuộc khối kiến thức chung trong 3 học kỳ đầu trong khi mỗi tuần SV chỉ được học 5 tiết của môn cơ sở ngành (Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh) đã phần nào hạn chế hứng thú học tập do tâm lý của SV là muốn được học ngay từ năm thứ nhất các môn học liên quan đến ngành đào tạo. Sự phân bổ các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành tập trung từ học kỳ 4 trở đi khiến cho SV gặp khó khăn trong việc rút ngắn thời gian học tập.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm học 2018 - 2019, Ban chủ nhiệm, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa kiến nghị Nhà trường xem xét điều chỉnh kế hoạch phân bổ các môn học đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm giúp SV năm thứ nhất có thể học được học thêm một số môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc SV sớm tiếp cận với kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo, làm tăng hứng thú học tập và có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 8.3: Đạt (mức 6/7)***

**Tiêu chí 8.4: *Hoạt động tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác, nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

### **1. Mô tả**

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, nghiên cứu khoa học và sinh hoạt ngoại khóa bởi 2 Cố vấn học tập và đội ngũ GV chủ nhiệm các lớp [H8.08.04.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho Ban chủ nhiệm các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ học tập và rèn luyện, tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn nghề, khởi nghiệp của SV được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Khởi nghiệp và Sáng tạo của Trường thông qua nhiều hình thức đa dạng, hiệu quả, thiết thực như diễn đàn, tư vấn trực tiếp, truyền thông [H8.08.04.02].

Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, lãnh đạo Khoa chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm, Quản lý sinh viên, Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học, khoa và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, giảng viên, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H8.08.04.03].

Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.04.04].

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên khoa và trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất

cho SV như Halloween, FLD's got talent, Drama Contest, English Speaking Contest, English Speaking Zone, TDDT, Hội thi Rèn nghề cấp khoa, v.v... Qua mỗi hoạt động SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng sử dụng tiếng Anh cũng như kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nói trước công chúng, kỹ năng tương tác, làm việc nhóm, đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [H8.08.04.05]. Hàng năm, công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV ngành Ngôn ngữ Anh do Liên chi đoàn, Liên chi hội SV khoa chủ trì luôn nhận được giấy khen, bằng khen của tổ chức Đoàn các cấp. Thành tích thi đua đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn [H8.08.04.06].

Trường, khoa tích cực chủ động lên danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn hoặc khuyến khích SV chủ động lựa chọn, tìm kiếm đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của GV trong quá trình SV thực tập nghề nghiệp, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV [H8.08.04.07].

Hoạt động SV NCKH luôn được khoa quan tâm và tổ chức Hội nghị SV NCKH hàng năm [H8.08.04.08]. Ngoài ra, hàng năm Khoa phối hợp với Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tuyển chọn 4-6 sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tham gia giao lưu, trao đổi văn hóa, học tập và NCKH cùng với nhóm SV từ Đại học South Florida (Hoa Kỳ) tại Trường Đại học Vinh. Hàng năm, Nhà trường và khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.09]; kết quả phản hồi đạt từ mức hài lòng trở lên.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và khoa có đội ngũ Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, GV chủ nhiệm, Ban chấp hành Liên chi đoàn, Liên chi hội SV, giảng viên tổ chức nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ hoạt động học tập, giúp SV nâng cao thành tích học tập và tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường; các hình thức hoạt động ngoại khóa đa dạng và được tổ chức thường xuyên, thiết thực không chỉ trong phạm vi SV khoa, trường mà cả với SV quốc tế; hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về cơ hội việc làm khi tốt nghiệp được triển khai hiệu quả; kịp thời tháo gỡ những khó khăn liên quan đến lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

### **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ SV tham gia các hoạt động NCKH còn hạn chế so với số lượng và tiềm lực của SV ngành Ngôn ngữ Anh một phần do giảng viên chưa tận dụng triệt để việc SV làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH của SV.

### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2018 - 2019, lãnh đạo Khoa yêu cầu Hội đồng Khoa học-Đào tạo khoa và các Trưởng bộ môn chỉ đạo CBGD kịp thời phát hiện, động viên và gợi mở hướng nghiên cứu đề tài khoa học, tích cực khuyến khích SV có năng lực học tốt làm bài tập lớn để phát triển thành đề tài NCKH hàng năm.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 8.4: Đạt (mức 6/7)**

**Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.**

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao, v.v... đã tạo nên môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, v.v... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu.

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo qui định TCVN 3981 cho việc dạy và học [H8.08.05.01]. Hiện tại, Trường có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, 8 phòng học tiếng nước ngoài (do khoa SP Ngoại ngữ sử dụng), bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 4,9 m<sup>2</sup>/chỗ ngồi [H8.08.05.02]. Theo đó, Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại cơ sở chính (Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202, giảng đường số 1). Từ năm 2016, Nhà trường chỉ đạo, Phòng Quản trị - Đầu tư tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo qui hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và NCKH. Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác, vì thế Nhà trường đã bố trí 1 phòng làm việc độc lập và 1 phòng tại Trung tâm Thư viện để tiện ích cho GV, SV khoa tại khu học phòng học tiếng nước ngoài; các chuyên viên được bố trí 2 người/gian, có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet. Ngoài ra có 6 sân bóng

chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV với tổng diện tích 35.000 m<sup>2</sup>, 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học.

Trường, khoa có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho người học; có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, với 237 phòng ở với sức chứa 1145 SV, bình quân diện tích 8,3 m<sup>2</sup> sử dụng/1 SV theo định mức: SV Việt Nam: 6-8 người/1 phòng. SV ngành Ngôn ngữ được bố trí các phòng ở sạch sẽ và hợp lý. Cụ thể, năm 2016 có 73 SV, năm 2017 có 71 SV và năm 2018 có 66 SV được sắp xếp học tập và sinh hoạt trong kí túc xá của trường. 100% SV phản ánh sự hài lòng khi được tạo điều kiện ở và sinh hoạt tại ký túc xá. Cụ thể là tiền trọ và các phí sinh hoạt khác rẻ hơn rất nhiều so với thuê nhà trọ ở ngoài; điều kiện học tập, đi lại thuận tiện và an toàn. Khu kí túc được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đầy đủ. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí [H8.08.05.03]. Không gia học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h - 10h tối các ngày trong tuần phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV.

Công tác khám sức khỏe, quy định về quy tắc ứng xử và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Giai đoạn 2013-2017, 100% SV khoa SP Ngoại ngữ được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế [H8.08.05.04]. SV được cung cấp Cẩm nang sinh viên và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của cán bộ cũng như học sinh, sinh viên trong Nhà trường [H8.08.05.05]. Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả [H8.08.05.06].

Hàng năm, SV ngành Ngôn ngữ Anh được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Số liệu thống kê cho thấy 100% SV khoa SP Ngoại ngữ hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của trường, và khoa [H8.08.05.07].

## ***2. Điểm mạnh***

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

## ***3. Điểm tồn tại***

Công tác tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho SV chưa được khoa, trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, Khoa đề xuất với Nhà trường phổ biến đầy đủ các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy theo định kỳ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 8.5: Đạt (mức 6/7)***

### **Kết luận về tiêu chuẩn 8**

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Ngôn ngữ Anh. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của khoa và Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 8: Đạt (mức 5,6/7)**

## **Tiêu chuẩn 9**

### **CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### ***Mở đầu***

Trường Đại học Vinh đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v.... mà Khoa đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

***Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### ***1. Mô tả***

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Trường Đại học Vinh được UBND Tỉnh Nghệ An cho phép sử dụng diện tích đất khá lớn, khuôn viên đủ rộng để tổ chức việc dạy học cho hàng vạn sinh viên [H9.9.01.01]. Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác; vì thế các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập; các chuyên viên được bố trí 2 người/gian, có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 2-4 gian tùy theo qui mô của từng khoa. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m<sup>2</sup>, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Trường Đại học Vinh có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, sinh viên ngoại ngữ được bố trí học trong số 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup> của Nhà trường; sinh viên chuyên ngữ được học tại 7 phòng học tiếng nước ngoài (lab 201, lab 202, lab 203, lab 204A, lab 204B, lab 205, lab 206) với tổng diện tích 1225 m<sup>2</sup>. Các phòng học tiếng có các máy vi tính kết nối mạng, được cài phần mềm dạy học online, có tai nghe và hệ thống âm thanh, máy chiếu khá hiện đại. Đến năm học 2016-2017, với số lượng 19.456 sinh viên chính qui,



diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m<sup>2</sup>/người học, diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt 0,72 m<sup>2</sup>/người học. Hệ thống phòng học ở khu nhà A, nhà B và Cơ sở 2 do Phòng Đào tạo bố trí lịch trình sử dụng. Hệ thống phòng lab tầng 2 thư viện do Khoa bố trí lịch sử dụng. Văn phòng Khoa SP Ngoại ngữ hiện tại có 02 phòng làm việc ở tầng 1 Nhà A0 (1 phòng dành cho BCN Khoa, 1 phòng chung) và 01 phòng làm việc ở tầng 2, tòa nhà Thư viện ( dành cho giáo viên và cán bộ làm việc ở phòng máy) với tổng diện tích sử dụng là 105 m<sup>2</sup> [H9.9.01.02].

Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần. Hiện tại, với việc khai thác các phòng học ở Cơ sở 2, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đủ phòng học để có thể được xếp lịch từ thứ 2 đến thứ 6 mà không phải học vào các ngày thứ Bảy và Chủ nhật.

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 63,4% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 28,4% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.9.01.03].

## ***2. Điểm mạnh***

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

## ***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù giảng đường và phòng học được đảm bảo đầy đủ cho sinh viên cả về số lượng lẫn chất lượng; tuy nhiên, văn phòng làm việc của Khoa còn bé, chưa có phòng làm việc riêng cho cán bộ văn phòng; phòng Hội đồng Khoa không đủ rộng để tổ chức các cuộc họp toàn khoa, các buổi sinh hoạt chuyên môn.

Một số phòng học bố trí cho sinh viên chuyên ngữ ngành Ngôn ngữ Anh chưa được trang bị máy chiếu; bàn ghế được trang bị không phù hợp với đặc thù học tập và giảng dạy ngoại ngữ, một số máy chiếu có chất lượng kém, ảnh hưởng đến quá trình giảng dạy và học tập.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2018-2019, Khoa SP Ngoại ngữ sẽ đề xuất với Nhà trường cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn, seminar phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH cho ngành Ngôn ngữ Anh; tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí 9.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.2: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.**

##### **1. Mô tả**

Được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào” (gọi tắt là Trung tâm TTTV) [H9.9.02.01]. Trung tâm TTTV được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m<sup>2</sup> bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.9.02.02]. Trung tâm TTTV được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Trung tâm TTTV có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn. Từ năm 2000, Trung tâm TTTV đã có qui định về thời gian mở cửa và các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện. Trung tâm TTTV mở cửa phục vụ hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Số lượng học sinh, sinh viên đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm [H9.9.02.03].

Trung tâm TTTV có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm TTTV có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm. Các đầu sách của Trung tâm TTTV đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo. Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện (phần mềm Ilib). Từ cuối năm

2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ... Trong 5 năm 2011 - 8/2016, số lượt người học và giảng viên mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu. Để phát huy hiệu quả hoạt động thông tin thư viện, hàng năm Trung tâm TTTV tổ chức các lớp bồi dưỡng “*Kỹ năng khai thác và sử dụng thư viện*” cho cán bộ và học sinh, sinh viên đầu khóa và chủ động biên soạn cẩm nang “*Hướng dẫn sử dụng thư viện*” gửi đến bạn đọc từng khoa và đưa lên website trung tâm để thông báo rộng rãi đến các đối tượng bạn đọc trong và ngoài trường. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Trung tâm TTTV quan tâm thường xuyên. Số lượng sách tài liệu, luận văn luận án phục vụ ngành ngôn ngữ Anh là 477 tài liệu. Trong đó có nhiều tiểu luận, luận văn thạc sĩ bằng tiếng Anh của sinh viên, học viên cao học Trường Đại học Vinh và các tài liệu bằng tiếng Anh xuất bản ở nước ngoài [H9.9.02.04]. Tuy nhiên, số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều; các tài liệu cho các ngành mới mở còn thiếu; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và nghiên cứu sinh còn hạn chế; các đầu sách về các ngành khoa học thực nghiệm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác đào tạo.

Thư viện hiện đang sử dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử IILib phiên bản 4.0 do Công ty máy tính truyền thông CMC cung cấp từ năm 2007, đến nay một số tính năng hoạt động đã bộc lộ nhiều hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa nghiệp vụ. Bạn đọc có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA... thông qua mạng quốc tế Internet [H9.9.02.05]..

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh cho thấy giảng viên và sinh viên rất hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 63% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; Có 24.2% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là khá [H9.9.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trung tâm TTTV của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

## **3. Điểm tồn tại**

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Ngôn ngữ Anh chưa đầy đủ, chưa cập nhật; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2017, bằng nguồn vốn tự bổ sung, Trường giao cho Trung tâm TTTV tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành đáp ứng yêu cầu Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO và giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 9.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh đã ra quyết định thành lập Trung tâm thực hành thí nghiệm, ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường. Nhà trường cũng đã có những quyết định liên quan đến việc quy hoạch phòng thực hành, thí nghiệm, quy định quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị; quản lý có hiệu quả cơ sở vật chất của Nhà trường. [H9.9.03.01]. Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm đã được sơ đồ hóa [H9.9.03.02].

Nhà trường có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và

nghiên cứu khoa học phục vụ ngành Ngôn ngữ Anh. Phòng Lab ở tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Nhờ có các phòng Lab này mà việc dạy thực hành tiếng, đặc biệt môn Phiên dịch đã hiệu quả hơn rất nhiều. Để hỗ trợ hoạt động của các khoa, Nhà trường cung cấp, bổ sung, sửa chữa máy tính có nối mạng, hệ thống loa máy độc lập, máy chiếu Projector. Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho giảng viên và người học. Hệ thống phòng học Online, phòng học có trang thiết bị hiện đại, phòng thực hành thí nghiệm ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu về dạy học và nghiên cứu [H9.9.03.03-04]. Tần suất cao, thiết bị hiện đại, phòng thực hành thí nghiệm góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu. Đối với một ngành mang nhiều tính thực hành như ngôn ngữ Anh thì việc được thụ hưởng các phòng máy là một điều cần thiết và phù hợp với xu hướng đào tạo ngôn ngữ hiện đại trên thế giới.

Tất cả các cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được bổ sung, sửa chữa hàng năm nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H9.9.03.05]. Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về cơ sở vật chất có kết quả như sau: 63,4% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 28,4% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.9.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường cơ bản đáp ứng trang thiết bị theo yêu cầu của các ngành đào tạo, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án; đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

## **3. Điểm tồn tại**

Với số lượng sinh viên đăng ký vào học ngành ngôn ngữ Anh như hiện tại thì các phòng học tiếng có nguy cơ quá tải. Việc bảo dưỡng định kỳ chưa được thường xuyên, do đó phần nào ảnh hưởng đến tuổi thọ và chất lượng sử dụng của trang thiết bị.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm 2018, Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 9.3: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

**1. Mô tả**

Nhà trường có Trung tâm công nghệ thông tin có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng Công nghệ Thông tin và mạng máy tính của Trường; Quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin; việc đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng được Nhà trường giao v.v. đều được Trung tâm công nghệ thông tin đảm nhiệm. [H9.9.04.01],

Trường Đại học Vinh được trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Từ năm 2011, Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho tất cả 572 cán bộ quản lý, trưởng bộ môn và các trợ lý đào tạo, các giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.9.04.02]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.9.04.03]. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý của CMC để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống iOffice, CMC [H9.9.04.04]. Nhà trường thường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong toàn trường [H9.9.04.05]. Bên cạnh đó, việc tập huấn công nghệ thông tin cho cán bộ cũng được tổ chức thường xuyên [H9.9.04.06]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm, phần mềm CMC được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới của Nhà trường.

Trong khi chờ hệ thống LMS (Learning Management System) của Nhà trường chính thức được đưa vào sử dụng, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tạm thời đã xây dựng hệ thống LMS dựa trên nền tảng Moodle, phục vụ tốt việc dạy học online xuyên [H9.9.04.07]. Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm các bài tập trực tuyến theo sự hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công nghệ thông tin năm 2016 như sau: có 58.7% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 22.8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.9.04.08].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

## **3. Điểm tồn tại**

Các phần mềm quản lý dạy học vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Trang LMS của Khoa vẫn chỉ dừng lại ở việc sử dụng mã nguồn mở Moodle nên vẫn còn bộc lộ một số nhược điểm về kỹ thuật.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2018, Nhà trường có kế hoạch nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập internet, qua đó sử dụng có hiệu quả các dịch vụ có sử dụng internet của Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 9.4: Đạt (mức 6/7)**

**Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.**

### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh có các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn trên cơ sở các quy định của Chính phủ, Bộ, Ngành liên quan ví dụ như Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) [H9.09.5.01].

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

*Về môi trường*, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường. Các ngày “*Chủ nhật xanh*” thường được phát động để môi Trường Đại học Vinh thực sự “*xanh, sạch, đẹp*”. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường. [H9.9.05.02]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường như sau: có 66.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “*tốt*” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25.6% đánh giá mức độ “*khá*” (đáp ứng từ 70-89%)...

*Về việc bảo vệ sức khỏe cho cán bộ và học viên sinh viên*, Trường có Trạm Y tế riêng, với diện tích mặt bằng là 505 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 360 m<sup>2</sup>, với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.9.05.03]. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.9.05.04]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường như sau: có 51.5% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “*tốt*” (đáp ứng từ 90% trở lên), 29.8% đánh giá mức độ “*khá*” (đáp ứng từ 70-89%)...

*Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy* của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.9.05.05]; điều động sinh viên tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.9.05.06]. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. Khoa giao cho 3 cán bộ phụ trách công tác phòng cháy chữa cháy cho các khu vực có sinh viên Khoa học: cán bộ văn phòng phụ trách khu nhà A, cán bộ quản lý học viên - sinh viên phụ trách khu nhà B, cán bộ phụ trách kỹ thuật của Khoa kiêm nhiệm phụ trách công tác phòng cháy chữa cháy ở tầng 2 Thư viện Nguyễn Thúc Hào.

*Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học* được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ



phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ [H9.9.05.07]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích. Đến đầu năm 2018, nhằm nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa công tác an ninh trường học, Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản Trường Đại học Vinh [H9.9.05.08].

Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và trong Tòa nhà Công nghệ cao (Nhà điều hành). Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng [H9.9.05.09]. Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác an ninh, trật tự của Nhà trường như sau: có 64.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 26.1 đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%)... [H9.9.05.10].

## ***2. Điểm mạnh***

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

## ***3. Điểm tồn tại***

Diện tích cây xanh của Trường còn khiêm tốn. Hơn nữa, thùng rác công cộng đặt ở các khu giảng đường còn hạn chế.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm học 2018-2019, Khoa kiến nghị với Nhà trường chỉ đạo trồng thêm cây xanh trong khuôn viên trường, đồng thời qui hoạch lối đi riêng đặc biệt cho sinh viên khuyết tật có thể tự lăn xe vào phòng học mà không cần phụ thuộc vào sự giúp đỡ của người xung quanh; đặt thêm các thùng rác công cộng ở khu giảng đường để đảm bảo vệ sinh tốt hơn.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 9.5: Đạt (mức 5/7)***

### **Kết luận về tiêu chuẩn 9**

Trường Đại học Vinh có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên vẫn nhiều phòng chưa được trang bị đủ thiết bị phục vụ dạy học ngoại ngữ. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên với ngành Ngôn ngữ Anh, tài liệu vẫn còn hạn chế và chưa được cập nhật thường xuyên. Phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị hiện đại để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tuy nhiên vẫn chưa có những phòng học tiếng thực sự hiện đại. Hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đạt yêu cầu mặc dù sự quan tâm đến những sinh viên khuyết tật vẫn còn hạn chế.

**Đánh giá tiêu chuẩn 9:** Đạt ( mức 5,2/7)

## **Tiêu chuẩn 10**

### **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

#### ***Mở đầu***

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV đạt được CDR ngành Ngôn ngữ Anh, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

**Tiêu chí 10.1: *Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.***

#### ***1. Mô tả***

Để có CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, Khoa sư phạm Ngoại ngữ đã kết hợp với Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.01-02]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.03-04].

Khoa và Trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ SV tốt nghiệp sau mỗi khóa học về chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh [H10.10.01.05]. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo và đào tạo SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi được tiến hành qua hệ thống Phiếu khảo sát online (đối với SV đang học) và qua kênh liên lạc của cựu SV, hệ thống email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV).

Trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng về CTĐT[H10.10.01.04-05], các học phần, số tín chỉ mỗi học phần trong CTĐT có sự điều chỉnh, bổ sung và thay đổi theo định kì 2 năm /lần nhằm đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội [H10.10.01.04],[H10.10.01.06] . Cụ thể, số tín chỉ một số học phần được cắt giảm và không bắt buộc đối với sinh viên như học phần tiếng Anh Du lịch, tiếng Anh thương mại, tiếng Anh Luật, tiếng Anh Văn phòng. Các học phần như Hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp, Giao tiếp trong kinh doanh, Quy trình xây dựng dự án, Truyền thông và quan hệ công chúng... được bổ sung để phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

## **2. Điểm mạnh**

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý) đã được tiến hành qua hình thức bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình, đồng thời có sự liên hệ chặt chẽ của Khoa, Trường và nhà tuyển dụng.

## **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường và Khoa tuy đã có ký kết chính thức với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, song việc ký kết trên đối với các nhà tuyển dụng ngành Ngôn ngữ Anh còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2018-2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ phối hợp chặt chẽ với nhà tuyển dụng, mạng lưới cựu SV để làm cơ sở tạo nguồn nhân lực cho nhà tuyển dụng; qua đó tiếp tục cải tiến và phát triển CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các cơ quan, doanh nghiệp và xã hội.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.**

### **1. Mô tả**

CTDH là cốt lõi của CTĐT. Các thành phần cơ bản của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá. CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế theo 3 khối kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, và được

sắp xếp theo 2 phần: học kỳ chung với các chuyên ngành và học kỳ đặc thù từng chuyên ngành. Việc thiết kế và phát triển CTDH được tuân thủ theo quy trình chặt chẽ, logic từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế... [H10.10.02.01]

CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế dựa vào ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Căn cứ vào các CDR được ban hành năm 2013 [H10.10.02.02], CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh được định kỳ điều chỉnh, cập nhật hằng năm. Trong những năm qua Trường đã phối hợp với Khoa tiến hành rà soát và đánh giá, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH; lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.02.03].

Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật được thực hiện theo văn bản hướng dẫn Nhà trường ban hành [H10.10.02.04]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của khoa, trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [H10.10.02.05]. Quá trình rà soát, điều chỉnh ĐCCT và CTDH có sự đóng ý kiến của các chuyên gia và các bên liên quan. Việc rà soát, đánh giá CTDH được thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học.

## ***2. Điểm mạnh***

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng. CTDH được xây dựng và triển khai một cách khoa học, hiệu quả, và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

## ***3. Điểm tồn tại***

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chưa có sự tham vấn của chuyên gia nước ngoài trong việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018-2019, bên cạnh việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, SV, cựu Sv và nhà tuyển dụng, Khoa sẽ tham vấn ý kiến của các chuyên gia giảng dạy có kinh nghiệm người nước ngoài về quy trình thiết kế, đánh giá và cải tiến CTDH nhằm giúp SV đạt được CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 10.2: Đạt ( mức 5/7)***

**Tiêu chí 10.3: *Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

### **1. Mô tả**

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “*Các quy định về kiểm tra đánh giá của Nhà trường*” [H10.10.03.01]; trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hàng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra-thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy, qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra-thi [H10.10.03.02].

Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Ngôn ngữ Anh, khoa Sư phạm Ngoại ngữ cũng đề ra quy trình đánh giá học phần [H10.10.03.03] dựa trên mẫu phiếu đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, và bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kì [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Ngoài ra, đề cương học phần cũng chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05]. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập thông qua website của Nhà trường; kết thúc mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. 100% các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh đều được lấy ý kiến [H10.10.03.06].

Sau khi thu thập đủ dữ liệu và đưa ra phân tích tất cả các ý kiến phản hồi từ người học và người dạy, Nhà trường, khoa và bộ môn sẽ có báo cáo tổng thể ở các cuộc họp cấp trường cũng như cấp bộ môn; qua đó giảng viên xác định được những điểm mạnh và những mặt còn tồn tại cần khắc phục.

Cụ thể, ngày 25/3/2014, trường Đại học Vinh ra “Quyết định ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh”, quy định về khâu quản lý kết quả học tập [H10.10.03.07]. Theo đó, trung tâm ĐBCL là đơn vị quản lý nhập điểm và dữ liệu kết quả điểm của sinh viên, học viên trên hệ thống phần mềm quản lý điểm, phòng Đào tạo và phòng đào tạo Sau đại học có trách nhiệm xử lý kết quả do trung tâm ĐBCL cung cấp và các khoa chuyên ngành chịu trách nhiệm lưu trữ và quản lý kết quả học tập của sinh viên, học viên thuộc khoa quản lý. Tuy nhiên, từ năm học 2016-2017, để đảm bảo chất lượng của các kỳ thi cũng như đáp ứng với quy định về chuẩn đầu ra theo CTĐT tiếp cận CDIO, trung tâm ĐBCL không chỉ là giữ vai trò quản lý điểm mà còn thống kê xác suất điểm sau mỗi đợt thi và gửi về từng khoa. Sau đó, khoa gửi về từng tổ bộ môn để có sự điều chỉnh kịp thời về chất lượng đề thi.

## ***2. Điểm mạnh***

Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

## ***3. Điểm tồn tại***

Hình thức thi trắc nghiệm giữa kỳ và cuối kỳ hạn chế một số năng lực và kỹ năng cần đánh giá ở một số học phần. Chẳng hạn, các học phần Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1, 2, 3 không đánh giá được kỹ năng viết và nói của SV.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được mở rộng mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV là chủ yếu.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường và Khoa sẽ mở rộng việc lấy ý kiến đánh giá về chất lượng giảng dạy của giảng viên như lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp, giáo viên chủ nhiệm, chủ nhiệm Bộ môn thông qua các hoạt động dự giờ, thăm lớp để hoạt động đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên được thực chất hơn; đồng thời

tăng cường công tác hỗ trợ, động viên và khuyến khích SV thông qua các Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm để SV xây dựng được kế hoạch học tập, phương pháp học và chiến lược học nhằm đạt được CĐR của ngành.

#### **5. Tự đánh giá tiêu chí:** Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.**

##### **1. Mô tả**

Hoạt động nghiên cứu khoa học được coi là một một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại trường Đại học Vinh [H10.10.04.01]. Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học của GV và SV. Hàng năm, GV và SV của Khoa tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học, giúp GV, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc dạy-học.

Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của GV và người học trong toàn trường. Hàng năm, GV Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy; tổ chức hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn khoa với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước [H10.10.04.03].

Công tác xuất bản sách, giáo trình phục vụ học tập cũng được GV đặc biệt quan tâm. Năm 2016, Khoa sư phạm Ngoại ngữ đã có 4 giáo trình được xuất bản, trong đó, 3 giáo trình được sử dụng cho việc tổ chức ôn thi cấp chứng chỉ Ngoại ngữ theo khung năng lực Châu Âu [H10.10.04.04]. Những giáo trình này là tâm huyết của các Giảng viên Khoa sư phạm Ngoại ngữ, nhằm mang lại cho người học những tài liệu học có sự đầu tư chín chu về mặt chất lượng. Giáo trình “Cross-cultural communication” (Giao tiếp giao văn hoá) của đồng tác giả T.S Nguyễn Hữu Quyết và T.S Trần Bá Tiến được xuất bản cùng năm cũng là kết quả của sự nghiên cứu nghiêm túc trong một thời gian



dài dựa trên nhu cầu cũng như trình độ thực tế của SV. Cuốn sách không chỉ đáp ứng được vấn đề thiếu giáo trình chuyên sâu trong chương trình giảng dạy của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ mà còn phù hợp với môi trường giảng dạy của Khoa, từ đó mang lại sự tiếp cận dễ dàng hơn cho SV đối với một môn học khó.

Ngoài ra, nhiều đề tài nghiên cứu của các Giảng viên sau khi được đăng báo đã được đầu tư thêm thời gian để chuyển thành những bản thảo giáo trình phục vụ thiết thực cho việc giảng dạy những môn chuyên ngành như giáo trình “Ngôn ngữ học đối chiếu: Phương pháp và thủ pháp cơ bản”, “Phương pháp dạy học và thực hành phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh”, “Đọc cơ sở 1”...[H10.10.04.05].

## ***2. Điểm mạnh***

Khoa Sư phạm Ngoại ngữ có đội ngũ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Khoa có cơ chế khuyến khích sự tham gia của GV cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

## ***3. Điểm tồn tại***

Ngành Ngôn ngữ Anh chưa có những đề tài khoa học cấp nhà nước; chưa tổ chức thường xuyên hội thảo trong nước và quốc tế theo định kỳ hàng năm để thúc đẩy động lực thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn dạy-học.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm 2018, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã tổ chức thành công Hội thảo quốc tế Vinh TESOL. Hội thảo này cần được tổ chức hàng năm để giảng viên và SV toàn khoa có điều kiện trao đổi, học hỏi từ các chuyên gia, giảng viên, nhà giáo dục trong và ngoài nước về nâng cao chất lượng, phương pháp dạy-học.

Từ năm học 2018-2019, Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa sẽ yêu cầu các bộ chuyên môn thành lập các nhóm NCKH để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 10.4: Đạt (mức 5/7)***

**Tiêu chí 10.5: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

### **1. *Mô tả***

Trường Đại học Vinh và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) mà cốt lõi chính là thái độ và chất lượng phục vụ sẽ góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH [H10.10.05.01]. Khoa có Trợ lý đào tạo, đội ngũ Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học. Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành Ngôn ngữ Anh có thể thực hiện ý kiến phản hồi thông qua website của Khoa và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, v.v [H10.10.05.02].

Sau khi thu tập những ý kiến phản hồi từ những đối tượng sử dụng dịch vụ, với những thông tin phản hồi của SV liên quan và thuộc thẩm quyền xử lý của cấp Khoa, Ban chủ nhiệm khoa cùng với các thành viên liên quan (Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Quản lý HSSV, chuyên viên văn phòng, GV chủ nhiệm) sẽ có cuộc họp để đưa ra những phương án xử lý kịp thời. Những phản hồi liên quan tới cấp Trường, Ban giám hiệu trường sẽ có quyết định những chỉ đạo về từng bộ phận liên quan [H10.10.05.03].

Quy trình cuối cùng và chặt chẽ để kiểm chứng lại hiệu quả của những điều chỉnh là những cuộc họp rà soát chất lượng dịch vụ nhằm cải tiến chất lượng [H10.10.05.04]. Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho những cán bộ, giảng viên và người học.

### **2. *Điểm mạnh***

Nhà trường có hệ thống thư viện hiện đại với nguồn học liệu đa dạng, phong phú và tiện ích, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng

theo hướng hiện đại, cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và tiện ích cho GV và người học; công tác lấy ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, GV và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hàng năm thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi đa phần là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù thư viện đã có kho tư liệu rất lớn nhờ sự đầu tư kịp thời của Nhà trường để cập nhật kịp thời những tư liệu mới nhất, phù hợp với yêu cầu của ngành Ngôn ngữ Anh; nhưng vì ngành đặc thù nên hiện chưa có thư viện/ góc thư viện riêng cho SV ngành Ngôn ngữ Anh, do vậy chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho SV trong một không gian Anh ngữ riêng.

Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đề nghị Nhà trường bố trí góc đọc/ không gian Anh ngữ riêng cho SV ngành; đồng thời Khoa tích cực huy động nguồn lực từ các tổ chức ngoài trường (Đại sứ quán Hoa Kỳ, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia) để hỗ trợ kinh phí thành lập thư viện/ không gian Anh ngữ riêng cho khoa; khuyến khích SV đến thư viện trường để cập nhật những tư liệu mới, đồng thời quán triệt cán bộ giảng viên kiêm nhiệm hỗ trợ SV, đội ngũ chuyên viên đồng hành cùng SV cả trong học tập cũng như nắm bắt những khó khăn trong cuộc sống hằng ngày để có hướng khắc phục và giúp đỡ SV kịp thời trong học tập.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.**

#### **1. Mô tả**

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả những hoạt động của Nhà Trường bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang

được sử dụng trong nhà trường.... Từ năm 2014 trở về trước, Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ cơ bản thực hiện lấy ý kiến cán bộ viên chức thông qua “Hội nghị công chức, viên chức” cấp trường và cấp khoa [H10.10.06.01] và lấy ý kiến phản hồi của người học thông qua “Hội nghị dân chủ sinh viên”. Từ năm 2015 trở đi, Nhà trường và khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị dân chủ sinh viên”, “Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên”, “Hội nghị cán bộ trẻ” và “Hội nghị công chức, viên chức”, “Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng”, trang web, Facebook của Nhà trường và của khoa, vv... Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hàng năm Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn cơ, hiệu quả [H10.10.06.02].

## ***2. Điểm mạnh***

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

## ***3. Điểm tồn tại***

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Năm 2019, Khoa kiến nghị với Nhà trường có quy định rõ ràng về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người được khảo sát, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các mẫu phản hồi và mở rộng đối tượng khảo sát (nhà quản lý giáo dục, cựu người học); kiến nghị Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp đánh giá, phân tích và xác thực thông tin phản hồi từ kênh chưa chính thống.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7)***

### **Kết luận về tiêu chuẩn 10**

Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của

xã hội và nhà tuyển dụng. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ nhà quản lý giáo dục, giảng viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu người học được chú trọng và thực hiện đầy đủ, có hệ thống và thường xuyên hàng năm. Các thông tin phản hồi là cơ sở để xây dựng, hoàn thiện và cải tiến CTĐT. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, bài viết cho hội nghị, hội thảo luôn được giảng viên và SV quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học tiếng, hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

**Tự đánh giá tiêu chuẩn 10:** Đạt (mức 5/7)

## **Tiêu chuẩn 11**

### **KẾT QUẢ ĐẦU RA**

#### ***Mở đầu***

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Miền Trung. Ngành Ngôn ngữ Anh là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động có trình độ cử nhân ở ngành này càng ngày càng tăng. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh chất lượng đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ giáo dục và đào tạo tổ chức. Sau khi trúng tuyển, sinh viên được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hàng năm Nhà trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh, tập trung nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu khoa học của Trường, Khoa và ngành học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

***Tiêu chí 11.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### **1. Mô tả**

Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý

sinh viên, Cố vấn học tập; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Ngôn ngữ Anh được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, sinh viên thôi học, bỏ học hàng năm [H11.11.01.01-02]. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2 ,3 ,4 năm [H11.11.01.03] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

**Bảng 8. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây**

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT trong thời gian		Tỷ lệ % thôi học		
		4 năm	Trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ 2	Năm thứ 3
2009-2013 (50)	91	87,9% (80)	12,1% (11)			0,8% (1)
2010-2014 (51)	124	81,5% (101)	18,5% (23)			
2011-2015 (52)	114	82,5% (94)	17,5% (20)	3		2
2012-2016 (53)	115	80% (92)	20% (23)			2
2013-2017 (54)	106	91,5% (97)	8,5% (9)		5	

Số liệu trên cho thấy đa số SV ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Khoa luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo. Ban chủ nhiệm khoa có các buổi họp với Cán sự lớp, giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo vào các kỳ học để nắm được tình hình học tập của SV.

Tỷ lệ SV thôi học của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tổng SV của toàn khóa. Nhìn chung, SV của Khoa thôi học là do gia đình có những định hướng khác cho SV, hoặc các em có kế hoạch cá nhân khác như đi du học, xuất khẩu lao động.

## ***2. Điểm mạnh***

Tỷ lệ người học ngành Ngôn ngữ Anh bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

## ***3. Điểm tồn tại***

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học; chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo hàng năm Khoa cũng chưa xác lập và phân tích dự đoán được tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học và chưa thực hiện việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học (đối sánh của chương trình trong nước và quốc tế, năm trước, năm sau; dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp thôi học của người tham gia CTĐT).

## ***4. Kế hoạch hành động***

Từ năm học 2018 - 2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chỉ đạo các Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Khoa cũng tiến hành đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo các phân tích dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ đó tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 11.1: Đạt (mức 5/7)***



**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

**1. Mô tả**

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2008, khoa Sư phạm Ngoại ngữ bắt đầu thực hiện qui định đào tạo hệ đại học chính qui theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm. Để giám sát quá trình học tập của người học, Nhà trường có hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT, đặc biệt là thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.01]. Trong 5 năm học gần đây, trung bình hàng năm có khoảng 80-91,5% SV ngành ngôn ngữ Anh hoàn thành chương trình và được cấp bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh.

**Bảng 9: Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT**

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng SV toàn khóa</b>	<b>Số lượng SV hoàn thành CTĐT</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
2009-2013	91	80	88%
2010-2014	124	101	81,5%
2011-2015	114	94	82,5%
2012-2016	115	92	80%
2013-2017	106	97	91,5%

Số liệu cho thấy tỷ lệ phần trăm SV của ngành Ngôn ngữ Anh hoàn thành CTĐT qua từng năm học rất cao, từ 80% trở lên. Riêng năm học 2015-2016, tỷ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Điều này được lý giải do có 20% SV chưa hoàn thành số tín chỉ theo khung chương trình và các yêu cầu chuẩn đầu ra là *chứng chỉ quốc phòng, giáo dục thể chất* [H11.11.02.02]. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ.

**2. Điểm mạnh**

SV có ý thức với tiến độ học tập của bản thân; Ban Chủ nhiệm Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập để hỗ trợ SV kịp thời, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV

bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn. Về phía Nhà trường, Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học, vv... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

### **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù Khoa và Trường đã luôn cập nhật tiến trình học tập của SV, song một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, đặc biệt là các điều kiện đầu ra (chứng chỉ quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ bậc 5), do vậy vẫn còn tình trạng SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ phối hợp với Phòng Đào tạo tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra; đề xuất việc học các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp được tiến hành sớm hơn và có lộ trình học lại đối với những SV chưa đạt. Bên cạnh đó, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường cho phép những SV có kết quả thi học phần chưa đạt và cho phép SV bảo lưu kết quả học tập được học các học phần thay thế để đảm bảo việc tốt nghiệp đúng hạn.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.2: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

#### **1. Mô tả**

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc thuận lợi. Do đó, hàng năm Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV [H11.11.03.01]. Nhằm thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của Trường Đại học Vinh, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội Trường Đại học Vinh giao Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và tiến hành điều tra, khảo sát việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các năm 2015, 2016[H11.11.03.02].

Nội dung khảo sát bao gồm:

- Khảo sát về việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên theo từng khóa: tỷ lệ sinh viên có việc làm; thời gian có việc làm sau tốt nghiệp; công việc có phù hợp với ngành

được đào tạo; các kiến thức, kỹ năng được học có hỗ trợ hiệu quả trong công tác; mức thu nhập bình quân hàng tháng; tương lai nghề nghiệp;

- Điều tra lý do sinh viên tốt nghiệp chậm hoặc không tìm được việc làm; những kiến thức, kỹ năng nào sinh viên cần chuẩn bị trước khi tốt nghiệp; xu hướng nghề nghiệp; ý kiến đóng góp, nâng cao hiệu quả đào tạo của Nhà trường;

- Lập danh bạ, kết nối với cựu cựu học sinh, sinh viên, học viên nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ HSSV và góp phần phát triển Nhà trường.

Đợt khảo sát đã được thực hiện đối với 2 khóa sinh viên tốt nghiệp thuộc các năm 2015, 2016 (khóa 52 và khóa 53). Hình thức tổ chức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng internet (đăng mẫu phiếu lên website Nhà trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu), khảo sát qua gửi thư (gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào phần mềm khảo sát) và khảo sát qua phỏng vấn (thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp có hộ khẩu tại thành phố Vinh và vùng phụ cận; các đối tượng về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp).

Về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, theo báo cáo số liệu khảo sát của Nhà trường năm 2015 cho thấy, SV ngành Ngôn ngữ Anh có việc làm với tỷ lệ 75,53% và năm 2017 là 75,81% [H11.11.03.03-04]. Môi trường làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua bảng số liệu sau:

**Bảng 10: Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh**

Môi trường làm việc của SVTN	Năm 2017
Cơ quan nhà nước	12
Cơ quan tư nhân	38
Liên doanh nước ngoài	15
Tự tạo việc làm	2

SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh làm việc ở nhiều môi trường khác nhau, trong đó số SV làm việc trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước

ngoài chiếm tỷ lệ cao. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

## **2. Điểm mạnh**

Đa số SV tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành Ngôn ngữ Anh làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Điều này cũng phản ánh tình trạng chung của xã hội, nhưng nó cũng phản ánh nội dung đào tạo trong nhà trường còn thiên về lý thuyết. Và một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Khoa và nhà trường chưa tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp để có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp, chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các sinh viên ở các môi trường làm việc

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa và Trường lập kế hoạch khảo sát về tình trạng việc làm của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh đã tốt nghiệp ở các khóa; liên kết với các doanh nghiệp địa phương để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

## **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.3: Đạt ( mức 5/7)**

**Tiêu chí 11.4: Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả**

Nhà Trường luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của trường Đại học Vinh, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với một lực lượng cán bộ giảng dạy với trình độ chuyên môn cao, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ là đơn vị tham gia tích cực các hoạt động

chuyên môn và các hoạt động khác của Trường. Không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy của Khoa còn tham gia nghiên cứu khoa học với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và hội thảo quốc tế.

Bên cạnh đó, các cán bộ của Khoa còn chủ trì hoặc tham gia viết các giáo trình, tài liệu tham khảo, các đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp bộ. [H11.11.04.01]. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, học viên, SV trong Khoa và các nhà khoa học trong và ngoài nước.

**Bảng 11.4.1. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây.**

TT	Phân loại đề tài	2013	2014	2015	2016	2017
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	0	1	0
3	Đề tài cấp trường	3	3	3	3	9
4	Tổng	3	3	3	4	9

**Bảng 11.4.2. Thống kê số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.**

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	6	47	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	47	

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH theo mô hình của trường đại học nghiên cứu, SV ngành Ngôn ngữ Anh được khuyến khích tham gia NCKH ngay từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong Khoa. Dưới sự chỉ đạo của Nhà trường [H11.11.04.02-03], theo định kỳ hàng năm, Khoa tổ chức “Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học” để chọn ra những báo cáo xuất sắc tham dự Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Trường và cấp Bộ [H11.11.04.04]. Một số đề tài được chọn này đã đạt được thành tích cao.

**Bảng 11.4.3. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây.**

	Năm học				
	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-1015	2013-2014
Số lượng (người)	5/97	6/92	25/94	5/101	5/80
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	5,2%	6,5%	26,6%	5%	6,3%

**Bảng 11.4.4. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây.**

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	2	10	

**Bảng 11.4.5. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của sinh viên được nghiệm thu trong 5 năm gần đây**

TT	Phân loại đề tài	2013	2014	2015	2016	2017
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	1	0	0	3	3
4	Tổng	1	0	0	3	3

## **2. Điểm mạnh**

Một số giảng viên trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và sinh viên NCKH.

Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất

lượng. Nhiều đề tài của SV ngành Ngôn ngữ Anh tập trung nghiên cứu về ngôn ngữ học và PPGD tiếng Anh.

### **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ SV ngành Ngôn ngữ Anh tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2019, Hội đồng KHĐT và các Bộ môn của Khoa đẩy mạnh việc NCKH trong sinh viên bằng cách tuyên truyền, phổ biến về công tác NCKH của SV, đồng thời thành lập Hội đồng tư vấn đề tài NCKH và phát huy công tác hỗ trợ, hướng dẫn của các nhóm NCKH từ giảng viên đối với SV và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ SV thực hiện các đề tài NCKH. Ngoài ra Nhà trường cũng đầu tư kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học được chọn.

### **5. Tự đánh giá tiêu chí 11.4: Đạt (mức 5/7)**

**Tiêu chí 11.5: *Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, Nhà Trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức và Hội nghị cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến đóng góp về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới [H11.11.05.01] nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Giảng viên và chuyên viên của Khoa được tham dự các Hội nghị cán bộ viên chức giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT Trường tổ chức họp theo định kỳ để xem xét chiến lược đào tạo mà các cán bộ giảng viên của các đơn vị trong đó có khoa sư phạm Ngoại ngữ kiến nghị.

Mỗi học kỳ, Trường và Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy các học phần nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H11.11.05.02]. Để hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đi vào chiều sâu và thực chất, năm 2017, Nhà trường thành lập ban chỉ đạo và thực hiện khảo sát đo lường sự hài

lòng của các bên liên quan đối với dịch vụ giáo dục công năm 2017-2018 tại trường Đại học Vinh [H11.11.05.03].

Ngoài ra, hàng tháng, Khoa chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Quản lý sinh viên khoa [H11.11.05.04] để báo cáo Ban chủ nhiệm khoa, Hội đồng KHĐT của khoa và các Bộ môn nhằm kịp thời cải tiến chất lượng và phản hồi tới người học về sự cải tiến.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và Khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học (Alumni Network) nhằm lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT và CĐR của CTĐT [H11.11.05.05] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR của ngành.

Ngoài ra, Trường và Khoa Sư phạm Ngoại ngữ hàng năm cũng tiến hành khảo sát việc làm của cựu SV, gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV ra trường của Khoa để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Khoa đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. [H11.11.05.06]. Nhìn chung, đa số các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ. Tuy nhiên nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng cho thấy tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc ngày càng cao.

**Bảng 11.5.1. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 5 năm gần đây**

	2013	2014	2015	2016	2017
1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	45/80 (56,25%)	64/101 (58,18%)	71/94 (75,53%)	78/92 (84,78%)	83/97 (85,56%)
2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	42/80 (87,5%)	19/101 (18,81%)	14/94 (14,89%)	12/92 (13,04%)	12/97 (12,3%)
3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	13/80 (12,5%)	18/101 (17,82%)	9/94 (9,6%)	2/92 (2,2%)	2/97 (2,1%)



## ***2. Điểm mạnh***

CTĐT và CDR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nhiều hình thức thực chất. Đa số các bên liên quan hài lòng về CTĐT và CDR của CTĐT. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

## ***3. Điểm tồn tại***

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, khoa, ngành còn gặp nhiều khó khăn. Mẫu biểu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

## ***4. Kế hoạch hành động***

Trong học 2018-2019, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ sẽ phối hợp với Nhà trường, đặc biệt là Trung tâm ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

## ***5. Tự đánh giá tiêu chí 11.5: Đạt (mức 5/7)***

### **Kết luận về tiêu chuẩn 11**

Nhìn chung, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh có tỷ lệ tốt nghiệp cao, nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. Giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường khuyến khích các em làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho sinh viên để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

### **Đánh giá tiêu chuẩn 11: Đạt (mức 5/7)**

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Căn cứ vào sứ mạng của Trường, Trường Đại học Vinh - cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh được xem là chương trình then chốt. Do đó việc đánh giá chương trình là tất yếu nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì. Trên cơ sở những nội dung đã trình bày ở phần mô tả, hiệu quả các hoạt động của CTĐT được phân tích, đánh giá chi tiết theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh trong vòng 5 năm qua (2013 - 2017) đã đạt được những thành công, thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, mục tiêu và CDR của CTĐT được xác định rõ ràng theo hướng đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CDR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập để phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết. CTĐT được thiết kế công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV. CDR ngành Ngôn ngữ Anh được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ tư), ở từng chuyên ngành cụ thể và từng học phần cụ thể. CTĐT được mô tả chi tiết với các kế hoạch giảng dạy, học tập cụ thể và lôgic.

Thứ hai, chương trình dạy học (CTDH) của ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng khoa học của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến

thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Đây cũng là triết lý đào tạo tiếp cận CDIO mà Nhà trường đã đề ra. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học phần do không bị ràng buộc quá nhiều bởi các học phần tiên quyết. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Cán bộ giảng viên khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Thứ ba, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT đúng đắn, mục tiêu được diễn đạt rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt chuẩn đầu ra. Các hoạt động học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu và các khóa học nâng cao kỹ năng mềm còn giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

Thứ tư, việc đánh giá kết quả học tập của người học ở Khoa Sư phạm Ngoại ngữ được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của Trường ĐH Vinh để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình đánh giá kết quả học tập của SV ngành Ngôn ngữ Anh. Khoa SP Ngoại ngữ luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Thứ năm, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn khá cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa đã ít nhiều có những thành tích nhất định. Mặc dù độ ngũ giảng viên mỏng về số lượng và phải đảm đương lượng công việc quá lớn, hầu hết CBGV đều hoàn thành xuất sắc công việc được giao và được sinh viên đánh giá cao về kiến thức và phương pháp giảng dạy.

Thứ sáu, đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho Ngành năng động, nhiệt huyết và có trình độ chuyên môn cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. Ngoài ra, Ngành luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà

trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

Thứ bảy, công việc tuyển sinh được thực hiện một cách công khai, nghiêm túc, vì thế hàng năm ngành Ngôn ngữ Anh tuyển chọn được nhiều sinh viên có năng lực ngôn ngữ đạt yêu cầu đầu vào. Bên cạnh đó, công tác tư vấn, hỗ trợ người học được thực hiện một cách chuyên nghiệp, người học luôn được hỗ trợ, tư vấn về mọi mặt một cách dân chủ, khách quan và thân thiện bởi các cố vấn học tập và các chủ nhiệm lớp.

Thứ tám, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh được trang bị phòng học đa chức năng với hệ thống thiết bị nghe, nhìn, thu, phát hiện đại đảm bảo chất lượng học tập và giảng dạy tối ưu nhất.

Thứ chín, CTDH của ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế, điều chỉnh và phát triển theo một quy trình chặt chẽ, có tính lý luận cao đồng thời sát với thực tiễn lao động và theo xu hướng phát triển, thay đổi của nhu cầu sử dụng lao động. Hệ thống thông tin phản hồi được xây dựng, phát triển và mở rộng với các nguồn thông tin khác nhau, đảm bảo tính khách quan, bám sát thực tiễn và hướng tới nhu cầu của người học và của xã hội.

Thứ mười, sinh viên ngành ngoại ngữ có tỷ lệ tốt nghiệp cao, sinh viên nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh.

Bên cạnh những điểm nổi bật đã nêu trên, CTĐT cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh cũng cũng có một số tồn tại sau.

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu chưa được tiến hành một cách kỹ lưỡng về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay; Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của nhà trường mà chưa chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học; Chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại cơ sở, các ký kết với cơ sở thực tế chưa có những ràng buộc liên quan nhiều đến chuẩn đầu ra theo từng năm học và từng chuyên ngành mà SV phải đạt tới; Khoa chưa thiết lập được kênh thông tin riêng trên website của Khoa để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

CDR của một số học phần chưa rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CDR của chương trình đào tạo.

Thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Nhiều SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Việc thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, số ít sinh viên chưa hài lòng về các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập gây mất thời gian và công sức cho SV.

Trang thiết bị phục vụ cho việc nghe, nhìn, thu, phát cho ngành đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh chưa đủ so với lượng sinh viên có nhu cầu học tập, chất lượng một số máy chiếu và loa đài chưa tốt do không được bảo dưỡng thường xuyên nên cũng ít nhiều ảnh hưởng đến việc giảng dạy và học tập của giáo viên và sinh viên. Ngoài ra, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu và học tập chuyên ngành Ngôn ngữ Anh còn quá ít ở thư viện, không đảm bảo cho việc tự học và nghiên cứu của sinh viên.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cơ bản ngành Ngôn ngữ Anh được thể hiện thông qua bảng sau:

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Thang đánh giá</b>							<b>Tổng hợp theo tiêu chuẩn</b>		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>										
Tiêu chí 1.1					5			5/7	3	100%
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>										
Tiêu chí 2.1					5			5/7	3	100%
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>										
Tiêu chí 3.1					5			5/7	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>										
Tiêu chí 4.1					5			5/7	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>										
Tiêu chí 5.1					5			5/7	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					

<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>										
Tiêu chí 6.1					5			5/7	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>										
Tiêu chí 7.1					5			5/7	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>										
Tiêu chí 8.1					5			5,6/7	5	100%
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4						6				
Tiêu chí 8.5						6				
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>										
Tiêu chí 9.1					5			5,2/7	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>										
Tiêu chí 10.1					5			5/7	6	100%
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					

<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>									
Tiêu chí 11.1				5			5/7	5	100 %
Tiêu chí 11.2				5					
Tiêu chí 11.3				5					
Tiêu chí 11.4				5					
Tiêu chí 11.5				5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>							<b>5,1/7</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

Nghệ An, ngày tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Đinh Xuân Khoa**



## **Phụ lục 1: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/8/2017

### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
  - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: DHV
  - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (038) 3855452      Số fax (038) 3855269
7. E-mail: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn)      Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn)
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1994
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1998
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
  - Công lập       Bán công       Dân lập       Tư thục
  - Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):.....

### **II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ
  - Tiếng Anh: Foreign Languages Department
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Khoa SPNN
  - Tiếng Anh: FLD
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Ngoại ngữ
15. Tên CTĐT
  - Tiếng Việt: Ngành Ngôn ngữ Anh
  - Tiếng Anh: English Language

16. Mã CTĐT: .....
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): .....
18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
19. Số điện thoại liên hệ: 0238.3855392
20. E-mail: [khoasuphamngoaingu@vinhuni.edu.vn](mailto:khoasuphamngoaingu@vinhuni.edu.vn)  
Website: <http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1994
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1994
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1998

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

#### **24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT.**

Đồng hành với trường ĐH Vinh từ buổi sơ khai, quá trình phát triển của khoa Sư phạm Ngoại ngữ trải dài 55 năm lịch sử. Từ năm 1959 khi phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập, tiếng Nga là ngoại ngữ đầu tiên giảng dạy cho sinh viên. Sau đó các ngoại ngữ Anh, Pháp và Trung Quốc được đưa vào chương trình đào tạo ở các ngành khác nhau. Vào thời kỳ đất nước mở cửa nền kinh tế, nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng gia tăng, bộ môn ngoại ngữ đã phát triển thành khoa đào tạo. Ngày 27 tháng 10 năm 1994, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký Quyết định số 3090/GD-ĐT thành lập khoa Ngoại Ngữ giảng dạy bốn thứ tiếng phổ biến: Anh, Pháp, Nga, và Trung Quốc.

Để phù hợp với xu thế mới và đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, Trường Đại học Sư phạm Vinh đã phát triển thành Trường Đại học đa ngành vào năm 2001 với thế mạnh đào tạo các ngành sư phạm. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 01 nhà giáo ưu tú, 02 phó giáo sư và 08 tiến sĩ, 02 nghiên cứu sinh nước ngoài, 15 giảng viên chính, 02 giảng viên cao cấp, 36 thạc sĩ và 07 cán bộ có trình độ cử nhân. Đội ngũ

giảng viên được đào tạo sau đại học ở các nước phát triển ngày càng nhiều như Canada, Niu Zi Lân, Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ, Úc, Nga. Hầu hết cán bộ giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa có mối quan hệ tốt với Hội huynh đệ Á - Âu, Côtes D'Armor - Việt nam, Hội ABCDE - Cộng hoà Pháp, tổ chức Giáo dục Đại học Canada (WUSC), Viện Anh ngữ Hoa Kỳ (ELI), Phòng Thông tin - Văn hoá Đại sứ quán Hoa Kỳ, Chương trình Fulbright Việt Nam, Trường Đại học Rajabhat Maha Sarakham và Trường Đại học Udon Thani Vương Quốc Thái Lan, v.v.

Khoa hiện có 03 mã ngành đào tạo bậc đại học: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh và 01 ngành thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Hình thức đào tạo của khoa bao gồm: Chính quy, Vừa làm vừa học và Liên kết quốc tế theo mô hình du học bán phần (02 năm đầu tại Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và 02 năm cuối ở một trường nước ngoài và ngược lại). Ngoài ra, Khoa còn phụ trách chương trình tiếng Việt cho người nước ngoài và chương trình tập huấn bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh.

Tính đến thời điểm hiện tại, Khoa đã đào tạo được 5.109 sinh viên, trong đó: 129 học viên cao học, 2.099 sinh viên chính quy, 2.382 học viên vừa làm vừa học, 463 sinh viên liên kết đào tạo du học bán phần tại các trường đại học Trung Quốc, 36 sinh viên Thái Lan. Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi ra trường gần 100% ở các lĩnh vực của đời sống xã hội. Số sinh viên đang học tập tại Khoa hiện nay có 1.042 người: 779 sinh viên chính quy, 47 sinh viên Thái Lan, 37 học viên cao học, 184 học viên học văn bằng 2. Sinh viên tốt nghiệp từ khoa Sư phạm Ngoại ngữ có thể thành đạt ở nhiều ngành nghề khác nhau như biên phiên dịch, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, truyền hình, giảng dạy, kinh doanh, v.v.

Theo quy chế đào tạo hiện nay ((Điều 17, Quy chế 43 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ- Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có thể học song song văn bằng 2 các ngành Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Luật, Du lịch, Công tác xã hội, v.v. Sau khi ra trường, sinh viên có hai bằng chính quy. Với bằng cử nhân tiếng Anh và một chuyên ngành chính quy khác, sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có lợi thế rất lớn và đa dạng về cơ hội việc làm. Từ năm 2015, ASEAN sẽ trở thành một khối Kinh tế tự do, trong đó công dân các nước

trong khu vực Đông Nam Á được tự do di chuyển và tìm việc làm trong Khối mà ngôn ngữ chung là tiếng Anh. Cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành tiếng Anh rộng mở ra ngoài biên giới Việt Nam.

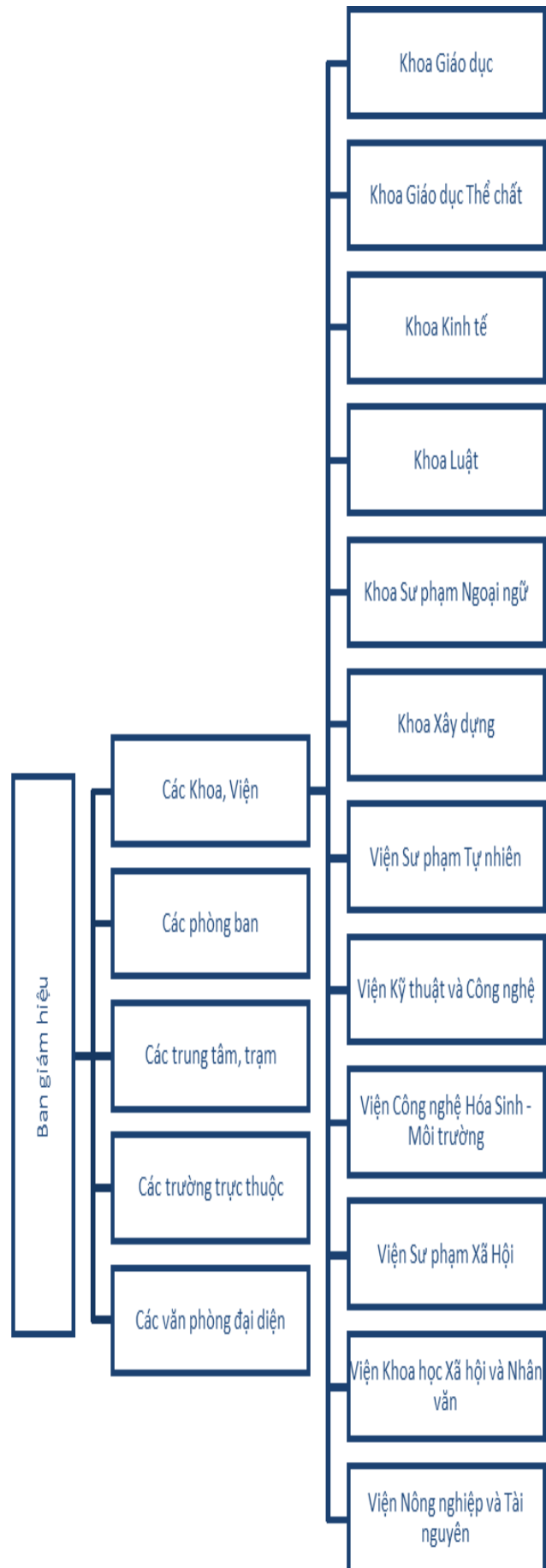
Sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Nghiệp vụ Sư phạm, Rèn nghề và các phong trào Văn hóa - Văn nghệ và Tình nguyện. Các sự kiện được tổ chức thường xuyên của khoa bao gồm: hội thi Phiên dịch giỏi, nghiệp vụ sư phạm, Hội thi du lịch, lễ hội Halloween, chương trình *FLD's got talent*, Không gian Anh ngữ (*English speaking zone*). Đây là những sân chơi bổ ích cho sinh viên để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp sinh viên có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và sinh viên khoa Sư phạm Ngoại ngữ có truyền thống tinh thần tương thân tương ái. Các cựu sinh viên, giảng viên của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các sinh viên có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các sinh viên có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Liên chi đoàn và Liên chi hội sinh viên thành lập "*Quỹ tình bạn*" để trao những suất quà hàng năm cho sinh viên vượt khó học giỏi. Quỹ thực sự đã góp phần giúp nhiều sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong điều kiện gia đình gặp khó khăn và là động lực cho sinh viên phấn đấu.

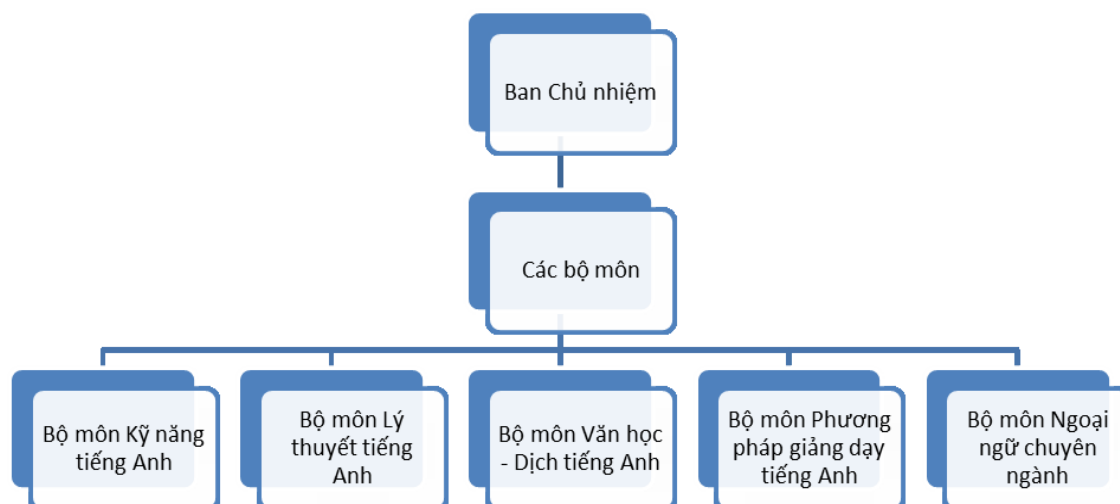
Với truyền thống 55 năm của Trường Đại học Vinh và là một trong 10 đơn vị nòng cốt của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, khoa Sư phạm Ngoại ngữ là địa chỉ tin cậy cho sinh viên chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tốt nhất khu vực Bắc Trung Bộ, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn cựu sinh viên trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

**25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT**  
(vẽ sơ đồ riêng).

**a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục ( Trường Đại học Vinh)**



**b) Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT (Khoa Sư phạm Ngoại ngữ)**



**26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.**

*(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).*

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>						
1	Hiệu trưởng	Đình Xuân Khoa		GS.TS. NGƯT	0238.385 5529	<a href="mailto:khoadx@vinhuni.edu.vn">khoadx@vinhuni.edu.vn</a>
2	Phó Hiệu trưởng	Thái Văn Thành		PGS.TS.	0238.385 6835	<a href="mailto:thanhtv@vinhuni.edu.vn">thanhtv@vinhuni.edu.vn</a>
3	Phó Hiệu trưởng	Ngô Đình Phương		PGS.TS.	0238.385 5531	<a href="mailto:phuongnd@vinhuni.edu.vn">phuongnd@vinhuni.edu.vn</a>
4	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng		PGS.TS.	0238.373 3888	<a href="mailto:bangnh@vinhuni.edu.vn">bangnh@vinhuni.edu.vn</a>
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>						
1	Phó trưởng khoa phụ trách	Nguyễn Thị Kim Anh		TS.	0983273 345	<a href="mailto:nguyenthikimanh@vinhuni.edu.vn">nguyenthikimanh@vinhuni.edu.vn</a>
2	Phó trưởng khoa	Phan Thị Hương		ThS.	09176292 26	<a href="mailto:phanhuong@vinhuni.edu.vn">phanhuong@vinhuni.edu.vn</a>

<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1	Bí thư Đảng bộ bộ phận	Nguyễn Thị Kim Anh		TS.	0983273 345	<a href="mailto:nguyenthikimanh@vinhuni.edu.vn">nguyenthikimanh@vinhuni.edu.vn</a>
2	Chủ tịch công đoàn	Vũ Thị Việt Hương		ThS.	09895464 40	<a href="mailto:huongvtv@vinhuni.edu.vn">huongvtv@vinhuni.edu.vn</a>
3	Bí thư liên chi đoàn	Lê Hữu Thành Trung		CN.	09040855 35	
<b>III.</b>	<b>Các bộ môn</b>					
1	Trưởng bộ môn Kỹ năng tiếng Anh	Hoàng Tăng Đức		ThS.	09122261 51	<a href="mailto:ducht@vinhuni.edu.vn">ducht@vinhuni.edu.vn</a>
2	Phó trưởng bộ môn Lý thuyết tiếng Anh	Võ Thị Hồng Minh		ThS.		<a href="mailto:minhvth@vinhuni.edu.vn">minhvth@vinhuni.edu.vn</a>
3	Trưởng bộ môn Văn học - Dịch tiếng Anh	Nguyễn Hữu Quyết		TS.	09434308 88	<a href="mailto:quyetnh@vinhuni.edu.vn">quyetnh@vinhuni.edu.vn</a>
4	Trưởng bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Trần Thị Ngọc Yến		TS.	09482872 64	<a href="mailto:yenttn@vinhuni.edu.vn">yenttn@vinhuni.edu.vn</a>
5	Trưởng bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành	Nguyễn Duy Bình		TS.	09474923 09	<a href="mailto:nguyenduybinh@vinhuni.edu.vn">nguyenduybinh@vinhuni.edu.vn</a>

**27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:**

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 02

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): .....

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).***28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)**

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước		<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

**29. Tổng số các ngành đào tạo: 03****IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo****30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
<b>I</b>	<b>Cán bộ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>			54
I.1	Cán bộ trong biên chế	13	31	44
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	03	07	10
<b>II</b>	<b>Các cán bộ khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )			
	<b>Tổng số</b>	16	38	54

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).*<sup>1</sup>Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.<sup>2</sup>Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.



### 31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					
2	Phó Giáo sư	02	01		01		
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	08	08				
5	Thạc sĩ	36	31	05			
6	Đại học	04		04			
7	Cao đẳng	0					
8	Trình độ khác	0					
	Tổng số	50	40	09	01	0	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 50 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 50/54 (93%)

**32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).**

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	02	01		01			3,9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0						
4	Tiến sĩ	2	08	08					16,0
5	Thạc sĩ	1	36	30	05			01	35,2
6	Đại học	0,5	04		04				2,0
	<b>Tổng</b>								<b>57,1</b>

Cách tính:  $Cột\ 10 = cột\ 3 * (cột\ 5 + cột\ 6 + 0,3 * cột\ 7 + 0,2 * cột\ 8 + 0,2 * cột\ 9)$

**33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0 %	0	0					
2	Phó Giáo sư	02		02	0				01	01
3	Tiến sĩ khoa học	0								
4	Tiến sĩ	08		04	04		06	02	02	
5	Thạc sĩ	36		07	28	05	14	16		
6	Đại học	04		02	02	04				
	<b>Tổng</b>	<b>50</b>		<b>15</b>	<b>36</b>	<b>09</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>03</b>	

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **40 tuổi**

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **10/50 ( 20%)**

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **47/50 (94%)**

**34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	<b>Tổng</b>	100%	100%

**V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

**35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.**

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018	296	289		248	20	22.25	15
2016-2017	272	254		182	20	22.00	25
2015-2016	281	264		241	22	23.50	73
2014-2015	214	201		198	20	21.75	47
2013-2014	135	117		106	20	22.50	17

**36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.**

*Đơn vị: người*

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2017- 2018</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2015- 2016</b>	<b>2014- 1015</b>	<b>2013- 2014</b>
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	42	77	85	31	34
3. Sinh viên đại học	719	595	576	460	408
Trong đó:					
Hệ chính quy	719	595	576	460	408
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

**37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:**

*Đơn vị: người*

	<b>Năm học</b>				
	<b>2017- 2018</b>	<b>2016- 2017</b>	<b>2015- 2016</b>	<b>2014- 1015</b>	<b>2013- 2014</b>
Số lượng (người)	15	25	73	47	17
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,2 %	0,3 %	1,1 %	0,9 %	0,3 %

**38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:**

Các tiêu chí	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-1015	2013-2014
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	25m <sup>2</sup>	25m <sup>2</sup>	25m <sup>2</sup>	25m <sup>2</sup>	25m <sup>2</sup>
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	66	71	73	38	5
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	66	71	73	38	5
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

**39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học**

	Năm học				
	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-1015	2013-2014
Số lượng (người)	3	3	0	0	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

**40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:**

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-1015	2013-2014
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	111/141	97/106	92/115	94/114	101/124
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

**41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:**

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-2015	2013-2014
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	111	97	141	109	101
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	78.72%	91.5%	80%	82,5%	81,5%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017- 2018	2016- 2017	2015- 2016	2014- 1015	2013- 2014
tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2016-2017	2015-2016	2014-2015	2013-2014
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	83/97 (85,56%)	78/92 (84,78%)	71/94 (75,53%)	64/101 (58,18%)	45/80 (56,25%)
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	12/97 (12,3%)	12/92 (13,04%)	14/94 (14,89%)	19/101 (18,81%)	42/80 (87,5%)
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	2/97 (2,1%)	2/92 (2,2%)	9/94 (9,6%)	18/101 (17,82%)	13/80 (12,5%)

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

**42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:**

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	1	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	3	3	3	9	10,5
4	Tổng		4	3	3	4	9	11,5



Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 12,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 12,5/50

**43. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:**

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	6	47	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	47	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**44. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:**

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	2	0	0	4,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	1	0	1,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	5	1	6,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	2	6	1	11,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 9,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9,0/50

**45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:**

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	2	28	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	2	28	0

**46. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:**

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	2	2	3	3	15
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	0	1	1	2	4
3	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	0,75	1	2	0	2	2	10,5
4	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2	1	3	3	1	5
	Tổng		3	5	6	9	8	34,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 24,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24.5/50

**47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:**

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	7	10
Từ 6 đến 10 bài báo	1	0	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	7	11

**48. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:**

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	4	6	13	5	4	32
2	Hội thảo trong nước	0,5	4	22	11	1	5	21,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		8	28	24	6	13	53,5

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 50

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 50/50

**49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:**

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	12	18	22
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	18	22

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

#### 50. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2013-2014	Không có
2014-2015	Không có
2015-2016	Không có
2016-2017	Không có
2017-2018	Không có

#### 51. Nghiên cứu khoa học của người học:

51.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	8	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 51.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		20.13-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

52. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 389.924,4 m<sup>2</sup>

53. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>):  
389.924,4 m<sup>2</sup>

54. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 3266 m<sup>2</sup>
- Nơi học: 50.585,6 m<sup>2</sup>
- Nơi vui chơi giải trí: 35.000 m<sup>2</sup>

55. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 50.585,6 m<sup>2</sup>
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m<sup>2</sup>/1 sv

56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: trên 1000 đầu sách

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng Khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0.057 máy tính/1 người học chính quy

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người):50

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 92 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):18,86 %

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):92 %

## **2. Người học:**

Tổng số người học chính quy (người): 719

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên:14,7/ giảng viên

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 84,7%

## **3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:**

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):.....

## **4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:**

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): .....

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 8,8 %

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):.....

## **5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:**

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 72 %

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 29,3%

## **6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 22/50

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 9/50

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 24,5/50

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 50/50

## **7. Cơ sở vật chất:**

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.057

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,63 m<sup>2</sup>

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)*

## **Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá**



Số: 1185/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 13 tháng 10 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng, Ngôn ngữ Anh**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng và Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa



**DANH SÁCH**

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh**  
(Kèm theo Quyết định số: *M15/QĐ-ĐHV* ngày *23* tháng *10* năm *2017*  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa SP Ngoại ngữ	Phó Chủ tịch
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc phụ trách TT ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Thư viện	Thành viên
14	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng khoa, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
15	Ông Hoàng Tăng Đức	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
16	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
17	Ông Nguyễn Văn Hương	Sinh viên K56, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên

*Danh sách này gồm có 17 người.*



**DANH SÁCH**

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
ngành Ngôn ngữ Anh**

*(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
3	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	Thành viên
9	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
11	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
13	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
14	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
15	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	Thành viên
16	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	Thành viên
17	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	Thành viên
18	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
19	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Trưởng khoa PT khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
20	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng khoa, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
21	Ông Hoàng Tăng Đức	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
22	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
23	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
24	Ông Trần Giang Nam	Trợ lý đào tạo, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên
25	Ông Lê Thái Bình	Cố vấn học tập, khoa SP Ngoại ngữ	Thành viên

*Danh sách này gồm có 25 người./*



## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)  
Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1:</b>			
<b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
<b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	
5	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	
<b>NHÓM 2:</b>			
<b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
<b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Ông Hoàng Tăng Đức	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	
4	Ông Trần Giang Nam	Giảng viên, khoa SP Ngoại ngữ	
5	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 3:</b>			
<b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
<b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Ông Nguyễn Hữu Quyết	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	
4	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	
5	Ông Lê Thái Bình	Giảng viên, khoa SP Ngoại ngữ	
<b>NHÓM 4:</b>			
<b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
<b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.			
1	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Trưởng nhóm
2	Bà Phan Thị Hương	Phó Trưởng khoa SP Ngoại ngữ	
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	

<b>NHÓM 5:</b> <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	
3	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	
4	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	
5	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó Trưởng bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	
<b>NHÓM 6:</b> <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng. <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa SP Ngoại ngữ	
3	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	
4	Ông Hoàng Tăng Đức	Trưởng Bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 7:</b> - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng nhóm
2	Bà Võ Thị Hồng Minh	Phó Trưởng bộ môn, khoa SP Ngoại ngữ	
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**1. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và đề đăng kí kiểm định chất lượng.

**2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kì kiểm định chất lượng (01/9/2012-31/8/2017).

**3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

**4. Hội đồng tự đánh giá**

*4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá*

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Ngôn ngữ Anh* được thành lập theo Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 17 thành viên (*có danh sách kèm theo*).

*4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách* gồm 25 người (*có danh sách kèm theo*).

*4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)*

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	29/10/2017 - 25/2/2018	



4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	29/10/2017 - 25/2/2018	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC	Nhóm 7	26/02/2018 – 29/4/2018	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Sư phạm Ngoại ngữ, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	

**6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)**

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, doanh nghiệp, trường học... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

**7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)**

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

**8. Thời gian biểu**

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> 23/10 - 05/11/2017	<ol style="list-style-type: none"><li>Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (khoa Sư phạm Ngoại ngữ) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none"><li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li><li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li><li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li><li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li></ul></li></ol>
<b>Tuần 3 - 4</b> (06 - 19/11/2017)	<ol style="list-style-type: none"><li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li><li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li><li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:<ul style="list-style-type: none"><li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li><li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li><li>Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li></ul></li></ol>
<b>Tuần 5 - 8</b> (20/11 - 24/12/2017)	<ol style="list-style-type: none"><li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li><li>Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li><li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li><li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li><li>Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li></ol>
<b>Tuần 9 - 15</b> (25/12 - * 11/02/2018)	<ol style="list-style-type: none"><li>Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li><li>Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li></ol>



Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 16</b> (26/02 - 04/3/2018)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 17-18</b> (05/3 - 18/3/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 19-21</b> (19/3 - 08/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 22-23</b> (09/4 - 22/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.</li> </ol>
<b>Tuần 24</b> (23/4 - 29/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</li> </ol>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
 PGS.TS. Ngô Đình Phương